

Số: 7665/TB-UBND

Việt Khê, ngày 21 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai,
cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đợt 10)**

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Việt Khê nhận bàn giao 2.250 hồ sơ kê khai, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất do Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Miền Nam lập đối với các hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa bàn xã Việt Khê (trong đó: 301 hồ sơ xã Lại Xuân cũ, 795 hồ sơ xã Kỳ Sơn cũ, 810 hồ sơ xã Phù Ninh cũ và 344 hồ sơ xã An Sơn cũ).

Ủy ban nhân dân xã Việt Khê thông báo để các tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến thửa đất nêu trên được biết, thông tin cụ thể:

1. Địa điểm công khai:

- Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng.
- Trụ sở nhà văn hóa thôn là nơi có hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng.

2. Thời gian công khai: 15 ngày (Kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 03 tháng 9 năm 2026).

Mọi phản ánh kiến nghị, khiếu nại, thắc mắc đề nghị gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân xã Việt Khê, địa chỉ tại thôn Phù Lưu, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng để được xem xét giải quyết.

Sau thời gian kết thúc công khai, Ủy ban nhân dân xã Việt Khê không nhận được phản ánh, kiến nghị, khiếu nại thì sẽ thực hiện kết thúc niêm yết công khai và tiến hành các thủ tục tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy xã (để b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm DVSN công (để đưa tin);
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Kim

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP THÔNG BÁO NIÊM YẾT, CÔNG KHAI HỒ SƠ ĐĂNG KÝ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LẦN ĐẦU**

(Kèm theo Thông báo số 7665/TB-UBND ngày 21/8/2026 của UBND xã Việt Khê)

1. Địa bàn xã Phù Ninh cũ

STT	Thông tin thửa đất theo BĐDC do đặc của Dự án Tổng thể					Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
	Tên chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Thửa số	Loại đất	Diện tích (m ²)		
1	Lê Thanh Giang	38	53	LUC	48.6	Thôn Ngọc Khê	
2	Lê Thanh Giang	38	61	LUC	28.6	Thôn Ngọc Khê	
3	Lê Văn Nhường	38	77	LUC	39.8	Thôn Ngọc Khê	
4	Phạm Thị Luật	38	105	LUC	101.1	Thôn Ngọc Khê	
5	Phạm Văn Nhân	38	140	LUC	182	Thôn Ngọc Khê	
6	Phạm Như Lương	38	142	LUC	156.4	Thôn Ngọc Khê	
7	Lê Văn Nhường	38	147	LUC	48.4	Thôn Ngọc Khê	
8	Lê Thanh Giang	38	166	LUC	38.7	Thôn Ngọc Khê	
9	Nguyễn Công Đoan	38	174	LUC	60.1	Thôn Ngọc Khê	
10	Phạm Văn Nhân	38	192	LUC	171	Thôn Ngọc Khê	
11	Nguyễn Văn Đầy	38	196	LUC	150.3	Thôn Ngọc Khê	
12	Lê Văn Tuyển	38	224	LUC	108.5	Thôn Ngọc Khê	
13	Nguyễn Thị Gấm	38	243	LUC	48.2	Thôn Ngọc Khê	
14	Nguyễn Văn Đầy	38	250	LUC	159.2	Thôn Ngọc Khê	
15	Nguyễn Công Đoan	38	261	LUC	73.1	Thôn Ngọc Khê	
16	Lê Văn Vở	38	287	LUC	60.3	Thôn Ngọc Khê	
17	Phạm Văn Thoát	38	289	LUC	248.3	Thôn Ngọc Khê	
18	Lê Văn Hẹn	38	296	LUC	62.2	Thôn Ngọc Khê	
19	Lê Văn Sách	38	297	LUC	24.3	Thôn Ngọc Khê	
20	Lê Hồng Phong	38	329	LUC	100.4	Thôn Ngọc Khê	
21	Lê Văn Nhường	38	332	LUC	67.6	Thôn Ngọc Khê	
22	Phạm Văn Liên	38	333	LUC	103.3	Thôn Ngọc Khê	
23	Lê Văn Thiết	38	339	LUC	113.3	Thôn Ngọc Khê	
24	Phạm Văn Nhân	38	359	LUC	92.4	Thôn Ngọc Khê	
25	Lê Văn Nhường	38	373	LUC	87	Thôn Ngọc Khê	
26	Phạm Văn Thịnh	38	383	LUC	157.9	Thôn Ngọc Khê	
27	Phạm Thị Yên	38	385	LUC	36.4	Thôn Ngọc Khê	
28	Phạm Văn Hồng	38	403	LUC	130.2	Thôn Ngọc Khê	
29	Lê Văn Nhường	38	406	HNK	60.6	Thôn Ngọc Khê	
30	Bùi Duy Trường	38	427	LUC	82.4	Thôn Ngọc Khê	
31	Phạm Văn Đông	38	449	LUC	36.2	Thôn Ngọc Khê	
32	Lê Văn Hẹn	38	459	LUC	50.7	Thôn Ngọc Khê	
33	Lê Văn Vở	38	462	LUC	48.5	Thôn Ngọc Khê	

34	Nguyễn Thị Lan	38	468	LUC	41.9	Thôn Ngọc Khê	
35	Phạm Văn Liên	38	471	LUC	86	Thôn Ngọc Khê	
36	Phạm Văn Đông	38	474	LUC	25	Thôn Ngọc Khê	
37	Phạm Văn Nức	38	475	LUC	131	Thôn Ngọc Khê	
38	Lê Văn Công	38	478	HNK	36.2	Thôn Ngọc Khê	
39	Nguyễn Thị Gấm	38	532	LUC	100.3	Thôn Ngọc Khê	
40	Lê Văn Sách	38	559	LUC	77.9	Thôn Ngọc Khê	
41	Phạm Văn Thịnh	38	561	LUC	84.4	Thôn Ngọc Khê	
42	Phạm Như Lương	38	563	LUC	108.7	Thôn Ngọc Khê	
43	Lê Văn Công	38	593	LUC	105.1	Thôn Ngọc Khê	
44	Phạm Văn Liên	38	596	LUC	72.9	Thôn Ngọc Khê	
45	Lê Văn Hẹn	38	610	LUC	49.6	Thôn Ngọc Khê	
46	Phạm Văn Thịnh	38	612	LUC	92.8	Thôn Ngọc Khê	
47	Lê Thanh Giang	38	618	HNK	627.7	Thôn Ngọc Khê	
48	Lê Văn Mạnh	38	644	LUC	173.9	Thôn Ngọc Khê	
49	Lê Văn Hẹn	38	652	LUC	120.4	Thôn Ngọc Khê	
50	Phạm Văn Đạt	38	669	LUC	41.6	Thôn Ngọc Khê	
51	Lê Văn Hoàn	38	695	LUC	99.5	Thôn Ngọc Khê	
52	Phạm Thị Yến	38	717	LUC	99.8	Thôn Ngọc Khê	
53	Trần Văn Nhân	38	729	LUC	115.5	Thôn Ngọc Khê	
54	Lê Văn Công	38	740	LUC	194.2	Thôn Ngọc Khê	
55	Trần Văn Nhân	38	749	LUC	180.9	Thôn Ngọc Khê	
56	Lê Văn Sách	38	764	LUC	38	Thôn Ngọc Khê	
57	Lê Văn Sách	38	797	LUC	297.8	Thôn Ngọc Khê	
58	Lê Văn Mạnh	38	808	LUC	301.5	Thôn Ngọc Khê	
59	Lê Văn Tuyển	38	810	HNK	1345.7	Thôn Ngọc Khê	
60	Lê Văn Sách	38	842	LUC	110.6	Thôn Ngọc Khê	
61	Phạm Văn Nức	38	854	LUC	147.6	Thôn Ngọc Khê	
62	Lê Văn Vở	38	891	LUC	420.3	Thôn Ngọc Khê	
63	Phạm Văn Hồng	38	897	LUC	68.7	Thôn Ngọc Khê	
64	Phạm Thị Luật	38	908	LUC	28.8	Thôn Ngọc Khê	
65	Phạm Văn Luyện	38	909	LUC	649.7	Thôn Ngọc Khê	
66	Phạm Văn Liên	38	915	LUC	781.7	Thôn Ngọc Khê	
67	Phạm Quang Thắng	38	930	LUC	201.1	Thôn Ngọc Khê	
68	Phạm Văn Đạt	38	939	LUC	264.6	Thôn Ngọc Khê	
69	Lê Thanh Giang	38	946	LUC	97.1	Thôn Ngọc Khê	
70	Phạm Văn Nức	38	956	LUC	96.3	Thôn Ngọc Khê	
71	Nguyễn Công Đoan	38	960	LUC	219	Thôn Ngọc Khê	
72	Bùi Duy Trường	38	973	LUC	341.2	Thôn Ngọc Khê	
73	Lê Văn Sách	38	979	LUC	199.4	Thôn Ngọc Khê	
74	Lê Văn Hiến	38	989	LUC	132.7	Thôn Ngọc Khê	

75	Phạm Văn Đạt	38	1010	LUC	111.5	Thôn Ngọc Khê	
76	Phạm Văn Liên	38	1012	LUC	198.4	Thôn Ngọc Khê	
77	Nguyễn Công Đoan	38	1029	LUC	117.4	Thôn Ngọc Khê	
78	Lê Văn Hoàn	38	1039	LUC	130.3	Thôn Ngọc Khê	
79	Lê Văn Sách	38	1049	LUC	200.8	Thôn Ngọc Khê	
80	Lê Thanh Bình	38	1050	LUC	181.2	Thôn Ngọc Khê	
81	Lê Văn Vở	38	1058	LUC	62.7	Thôn Ngọc Khê	
82	Lê Văn Công	38	1062	LUC	95.5	Thôn Ngọc Khê	
83	Lê Văn Nhường	38	1084	LUC	64.4	Thôn Ngọc Khê	
84	Nguyễn Văn Đầy	38	1085	LUC	93.9	Thôn Ngọc Khê	
85	Nguyễn Thị Lan	38	1087	LUC	168.7	Thôn Ngọc Khê	
86	Nguyễn Văn Đầy	38	1092	LUC	228.9	Thôn Ngọc Khê	
87	Lê Hồng Phong	38	1099	LUC	77.9	Thôn Ngọc Khê	
88	Lê Hồng Phong	38	1118	LUC	72	Thôn Ngọc Khê	
89	Lê Văn Công	38	1145	LUC	156.3	Thôn Ngọc Khê	
90	Phạm Văn Hồng	38	1159	LUC	96.4	Thôn Ngọc Khê	
91	Lê Hồng Phong	38	1193	LUC	36	Thôn Ngọc Khê	
92	Nguyễn Thị Lan	39	226	LUC	60	Thôn Ngọc Khê	
93	Phạm Như Lương	39	249	LUC	189.9	Thôn Ngọc Khê	
94	Lê Văn Hoàn	39	252	LUC	173	Thôn Ngọc Khê	
95	Trần Văn Sáu	39	257	LUC	182.8	Thôn Ngọc Khê	
96	Phạm Văn Đạt	39	258	LUC	108.9	Thôn Ngọc Khê	
97	Lê Văn Hiến	39	276	LUC	96.8	Thôn Ngọc Khê	
98	Phạm Thị Nghệ	39	397	LUC	73.6	Thôn Ngọc Khê	
99	Lê Văn Trường	39	431	LUC	39.6	Thôn Ngọc Khê	
100	Bùi Thị Dung	39	484	LUC	48.2	Thôn Ngọc Khê	
101	Lê Văn Hoàn	39	515	LUC	39.3	Thôn Ngọc Khê	
102	Lê Văn Vở	39	565	LUC	26.2	Thôn Ngọc Khê	
103	Phạm Thị Nghệ	39	570	LUC	25.5	Thôn Ngọc Khê	
104	Phạm Thị Nghệ	39	576	LUC	24.8	Thôn Ngọc Khê	
105	Phạm Văn Đông	39	590	LUC	49	Thôn Ngọc Khê	
106	Lê Văn Công	39	592	LUC	130.5	Thôn Ngọc Khê	
107	Lê Thanh Bình	39	674	LUC	36.9	Thôn Ngọc Khê	
108	Phạm Văn Đạt	39	693	LUC	176.1	Thôn Ngọc Khê	
109	Lê Thanh Bình	39	696	LUC	224.3	Thôn Ngọc Khê	
110	Lê Văn Sách	39	736	LUC	168.2	Thôn Ngọc Khê	
111	Nguyễn Công Đoan	39	745	LUC	193	Thôn Ngọc Khê	
112	Phạm Văn Đông	39	763	LUC	387.9	Thôn Ngọc Khê	
113	Lê Văn Công	39	779	LUC	36.3	Thôn Ngọc Khê	
114	Phạm Văn Mạnh	39	799	LUC	396.7	Thôn Ngọc Khê	
115	Lê Văn Hoàn	39	807	LUC	31.5	Thôn Ngọc Khê	
116	Phạm Thị Dịu	39	813	LUC	229.3	Thôn Ngọc Khê	
117	Lê Văn Hiến	39	858	LUC	12.7	Thôn Ngọc Khê	
118	Lê Văn Nhường	39	896	LUC	49.6	Thôn Ngọc Khê	
119	Phạm Văn Liên	39	902	LUC	157.3	Thôn Ngọc Khê	
120	Phạm Văn Thịnh	39	971	LUC	402.3	Thôn Ngọc Khê	
121	Phạm Văn Đông	39	985	LUC	63.1	Thôn Ngọc Khê	
122	Lê Văn Vở	39	1000	LUC	67.4	Thôn Ngọc Khê	

123	Lê Văn Hẹn	39	1007	LUC	230.1	Thôn Ngọc Khê	
124	Phạm Văn Đông	39	1043	LUC	96.8	Thôn Ngọc Khê	
125	Phạm Văn Thoát	39	1044	LUC	480.8	Thôn Ngọc Khê	
126	Nguyễn Công Đoan	39	1089	LUC	54.5	Thôn Ngọc Khê	
127	Lê Hồng Phong	39	1148	LUC	455.7	Thôn Ngọc Khê	
128	Lê Thị Là	39	1168	LUC	60.7	Thôn Ngọc Khê	
129	Bùi Thị Thu San	39	1200	LUC	60.4	Thôn Ngọc Khê	
130	Lê Văn Tuyển	39	1328	LUC	653.6	Thôn Ngọc Khê	
131	Phạm Văn Nức	39	1343	LUC	78.3	Thôn Ngọc Khê	
132	Phạm Văn Bảy	39	1355	LUC	125.9	Thôn Ngọc Khê	
133	Phạm Văn Nức	43	24	LUC	373	Thôn Ngọc Khê	
134	Lê Văn Vở	43	32	LUC	359.8	Thôn Ngọc Khê	
135	Phạm Văn Hồng	43	36	LUC	442	Thôn Ngọc Khê	
136	Lê Văn Thiết	43	62	LUC	453.5	Thôn Ngọc Khê	
137	Phạm Văn Nhân	43	67	LUC	73	Thôn Ngọc Khê	
138	Phạm Thị Luật	43	80	LUC	536.5	Thôn Ngọc Khê	
139	Phạm Văn Nức	43	81	LUC	170	Thôn Ngọc Khê	
140	Phạm Thị Luật	43	99	LUC	216.9	Thôn Ngọc Khê	
141	Phạm Văn Dũng	43	102	LUC	318.9	Thôn Ngọc Khê	
142	Nguyễn Công Đoan	43	120	LUC	180.7	Thôn Ngọc Khê	
143	Bùi Thị Dung	43	122	LUC	455.8	Thôn Ngọc Khê	
144	Lê Văn Vở	43	125	LUC	375.2	Thôn Ngọc Khê	
145	Lê Văn Hoàn	43	143	LUC	548.9	Thôn Ngọc Khê	
146	Lê Văn Thiết	43	149	LUC	400.7	Thôn Ngọc Khê	
147	Phạm Văn Hoàn	43	154	LUC	283.8	Thôn Ngọc Khê	
148	Phạm Văn Huân	43	161	LUC	203.4	Thôn Ngọc Khê	
149	Lê Văn Hiến	43	166	LUC	391.4	Thôn Ngọc Khê	
150	Phạm Thị Nghệ	43	174	LUC	561	Thôn Ngọc Khê	
151	Lê Văn Hoàn	43	178	LUC	162.1	Thôn Ngọc Khê	
152	Phạm Thị Liễu	43	200	LUC	246.9	Thôn Ngọc Khê	
153	Lê Văn Tuyển	43	213	LUC	132.2	Thôn Ngọc Khê	
154	Nguyễn Công Đoan	43	219	LUC	123.7	Thôn Ngọc Khê	
155	Phạm Văn Liên	43	222	LUC	300.4	Thôn Ngọc Khê	
156	Phạm Văn Đạt	43	223	LUC	289.9	Thôn Ngọc Khê	
157	Lê Văn Vở	43	229	LUC	281.4	Thôn Ngọc Khê	
158	Phạm Văn Lang	43	242	LUC	285.4	Thôn Ngọc Khê	
159	Lê Thị Là	43	264	LUC	248.8	Thôn Ngọc Khê	
160	Lê Hồng Phong	43	295	LUC	457.1	Thôn Ngọc Khê	
161	Phạm Văn Nức	43	310	LUC	481.6	Thôn Ngọc Khê	
162	Phạm Văn Luyện	43	313	LUC	378.6	Thôn Ngọc Khê	
163	Phạm Văn Thoát	43	328	LUC	517.6	Thôn Ngọc Khê	
164	Phạm Văn Nức	43	341	LUC	168.2	Thôn Ngọc Khê	
165	Lê Văn Trường	43	358	LUC	285.2	Thôn Ngọc Khê	
166	Phạm Văn Bảy	43	367	LUC	344.4	Thôn Ngọc Khê	
167	Phạm Thị Liễu	43	374	LUC	223.9	Thôn Ngọc Khê	
168	Lê Văn Hiến	43	376	LUC	225.6	Thôn Ngọc Khê	
169	Phạm Thị Nghệ	43	380	LUC	456.3	Thôn Ngọc Khê	
170	Phạm Văn Đạt	43	407	LUC	264.8	Thôn Ngọc Khê	

171	Nguyễn Văn Đầy	43	410	LUC	289.3	Thôn Ngọc Khê	
172	Lê Văn Hện	43	413	LUC	313.9	Thôn Ngọc Khê	
173	Lê Văn Trường	43	421	LUC	156.2	Thôn Ngọc Khê	
174	Lê Thanh Giang	43	432	LUC	516.3	Thôn Ngọc Khê	
175	Lê Văn Công	43	461	LUC	371.3	Thôn Ngọc Khê	
176	Lê Văn Công	43	486	LUC	167.3	Thôn Ngọc Khê	
177	Bùi Duy Trường	43	493	LUC	188	Thôn Ngọc Khê	
178	Phạm Văn Lang	43	494	LUC	590.9	Thôn Ngọc Khê	
179	Phạm Như Lương	43	521	LUC	420.5	Thôn Ngọc Khê	
180	Phạm Văn Liên	43	540	LUC	132.9	Thôn Ngọc Khê	
181	Trần Văn Sáu	43	560	LUC	406.2	Thôn Ngọc Khê	
182	Phạm Văn Huân	43	561	LUC	241.2	Thôn Ngọc Khê	
183	Phạm Thị Yến	43	582	LUC	215.8	Thôn Ngọc Khê	
184	Phạm Văn Đông	43	592	LUC	248.9	Thôn Ngọc Khê	
185	Bùi Duy Trường	43	594	LUC	235.8	Thôn Ngọc Khê	
186	Lê Văn Sách	43	595	LUC	133.2	Thôn Ngọc Khê	
187	Lê Văn Vở	43	597	LUC	97.2	Thôn Ngọc Khê	
188	Lê Văn Công	43	602	LUC	102.4	Thôn Ngọc Khê	
189	Lê Văn Công	43	611	LUC	87	Thôn Ngọc Khê	
190	Phạm Văn Đạt	43	637	LUC	94.8	Thôn Ngọc Khê	
191	Phạm Văn Thịnh	43	656	LUC	126.7	Thôn Ngọc Khê	
192	Phạm Văn Thịnh	43	665	LUC	77.6	Thôn Ngọc Khê	
193	Nguyễn Thị Gấm	43	689	LUC	199.6	Thôn Ngọc Khê	
194	Phạm Văn Thịnh	44	77	LUC	226.3	Thôn Ngọc Khê	
195	Lê Văn Hện	44	89	LUC	328.8	Thôn Ngọc Khê	
196	Phạm Văn Nức	44	117	LUC	180.7	Thôn Ngọc Khê	
197	Lê Thanh Giang	44	146	LUC	137.4	Thôn Ngọc Khê	
198	Lê Văn Vở	44	170	LUC	228.2	Thôn Ngọc Khê	
199	Bùi Thị Thu San	44	209	LUC	431.7	Thôn Ngọc Khê	
200	Nguyễn Công Đoan	44	225	LUC	471	Thôn Ngọc Khê	
201	Lê Thị Là	44	283	LUC	508.7	Thôn Ngọc Khê	
202	Phạm Văn Mạnh	44	340	LUC	485.1	Thôn Ngọc Khê	
203	Phạm Thị Nghệ	44	438	LUC	108.9	Thôn Ngọc Khê	
204	Phạm Văn Hồng	44	452	LUC	288.8	Thôn Ngọc Khê	
205	Phạm Văn Đạt	44	514	LUC	683.7	Thôn Ngọc Khê	
206	Lê Thanh Bình	44	617	LUC	284.2	Thôn Ngọc Khê	
207	Phạm Văn Nhân	44	623	LUC	576	Thôn Ngọc Khê	
208	Lê Văn Hiến	44	624	LUC	145.2	Thôn Ngọc Khê	
209	Lê Văn Hoàn	44	655	LUC	220.5	Thôn Ngọc Khê	
210	Phạm Văn Liên	44	728	LUC	288.7	Thôn Ngọc Khê	
211	Nguyễn Văn Đầy	44	768	LUC	272.3	Thôn Ngọc Khê	
212	Lê Văn Vở	44	780	LUC	254.6	Thôn Ngọc Khê	
213	Phạm Văn Luyện	44	787	LUC	173.5	Thôn Ngọc Khê	
214	Phạm Văn Đạt	44	788	LUC	108.3	Thôn Ngọc Khê	
215	Phạm Văn Liên	44	813	LUC	288.2	Thôn Ngọc Khê	
216	Phạm Văn Lang	44	915	LUC	383.7	Thôn Ngọc Khê	
217	Lê Văn Công	44	936	LUC	156.2	Thôn Ngọc Khê	
218	Phạm Văn Lang	44	1029	LUC	216	Thôn Ngọc Khê	

219	Phạm Văn Bảy	44	1034	LUC	205.6	Thôn Ngọc Khê	
220	Lê Văn Hiến	44	1090	LUC	355	Thôn Ngọc Khê	
221	Phạm Như Lương	44	1164	LUC	313.7	Thôn Ngọc Khê	
222	Lê Hồng Phong	44	1210	LUC	301.9	Thôn Ngọc Khê	
223	Phạm Quang Thắng	44	1380	LUC	328.4	Thôn Ngọc Khê	
224	Lê Văn Trường	44	1386	LUC	73	Thôn Ngọc Khê	
225	Nguyễn Công Đoan	44	1425	LUC	108.8	Thôn Ngọc Khê	
226	Lê Thanh Giang	44	1436	LUC	187.6	Thôn Ngọc Khê	
227	Phạm Văn Thoát	44	1442	LUC	342.6	Thôn Ngọc Khê	
228	Lê Văn Sách	44	1489	LUC	135.6	Thôn Ngọc Khê	
229	Lê Văn Hẹn	44	1521	LUC	381.1	Thôn Ngọc Khê	
230	Lê Văn Sách	44	1537	LUC	383	Thôn Ngọc Khê	
231	Lê Văn Sách	44	1571	LUC	362.8	Thôn Ngọc Khê	
232	Phạm Văn Bảy	44	1596	LUC	139.1	Thôn Ngọc Khê	
233	Phạm Thị Liễu	44	1799	LUC	252.1	Thôn Ngọc Khê	
234	Lê Văn Thiết	44	1852	LUC	212.9	Thôn Ngọc Khê	
235	Lê Văn Nhường	44	1890	LUC	63.2	Thôn Ngọc Khê	
236	Phạm Văn Nức	45	6	LUC	365	Thôn Ngọc Khê	
237	Phạm Văn Đạt	138	47	CLN	1479.6	Thôn Ngọc Khê	
238	Lê Văn Thiết	143	36	CLN	103.3	Thôn Ngọc Khê	
239	Phạm Văn Huân	143	43	CLN	136.3	Thôn Ngọc Khê	
240	Phạm Thị Thèo	143	347	CLN	362.9	Thôn Ngọc Khê	
241	Phạm Công Huấn	38	48	LUC	11.3	Thôn Ngọc Khê	
242	Phạm Thị Gấn	38	56	HNK	548.4	Thôn Ngọc Khê	
243	Lê Văn Hề	38	95	LUC	101.8	Thôn Ngọc Khê	
244	Phạm Văn Dậu	38	108	LUC	120	Thôn Ngọc Khê	
245	Phạm Văn Dậu	38	111	LUC	60	Thôn Ngọc Khê	
246	Phạm Văn Vá	38	125	LUC	76.2	Thôn Ngọc Khê	
247	Phạm Văn Đồng	38	138	LUC	65.5	Thôn Ngọc Khê	
248	Phạm Văn Chạy	38	139	LUC	36.7	Thôn Ngọc Khê	
249	Phạm Văn Cẩm	38	159	LUC	89.3	Thôn Ngọc Khê	
250	Phạm Văn Hạ	38	163	LUC	101.8	Thôn Ngọc Khê	
251	Phạm Văn Chạy	38	173	LUC	145.1	Thôn Ngọc Khê	
252	Phạm Văn Tuấn	38	175	LUC	73.2	Thôn Ngọc Khê	
253	Phạm Văn Gấn	38	176	LUC	84.9	Thôn Ngọc Khê	
254	Bùi Thị Nền	38	180	LUC	107.3	Thôn Ngọc Khê	
255	Phạm Văn Vá	38	198	LUC	63	Thôn Ngọc Khê	
256	Lê Văn Hùng	38	239	LUC	48.2	Thôn Ngọc Khê	
257	Phạm Văn Huyền	38	281	LUC	156.6	Thôn Ngọc Khê	
258	Phạm Văn Tò	38	325	LUC	134.9	Thôn Ngọc Khê	
259	Phạm Văn Gấn	38	336	LUC	72.2	Thôn Ngọc Khê	
260	Đồng Thị Đưa	38	367	LUC	49.5	Thôn Ngọc Khê	
261	Phạm Thị Đăng	38	369	LUC	233.3	Thôn Ngọc Khê	
262	Phạm Văn Trường	38	395	LUC	165.8	Thôn Ngọc Khê	
263	Phạm Văn Khương	38	417	LUC	159	Thôn Ngọc Khê	
264	Phạm Văn Tẹ	38	452	HNK	48.5	Thôn Ngọc Khê	
265	Đồng Thị Đưa	38	467	LUC	60.3	Thôn Ngọc Khê	
266	Lê Văn Phiên	38	488	LUC	72.2	Thôn Ngọc Khê	

267	Phạm Văn Kim	38	490	LUC	37.2	Thôn Ngọc Khê	
268	Nguyễn Văn Mích	38	498	LUC	84.2	Thôn Ngọc Khê	
269	Phạm Văn Dầu	38	504	LUC	48.2	Thôn Ngọc Khê	
270	Phạm Công Huấn	38	515	LUC	38.9	Thôn Ngọc Khê	
271	Lê Thành Trung	38	537	LUC	73.5	Thôn Ngọc Khê	
272	Phạm Văn Tuấn	38	539	LUC	93	Thôn Ngọc Khê	
273	Phạm Văn Chạy	38	548	LUC	72.1	Thôn Ngọc Khê	
274	Phạm Văn Tô	38	549	LUC	85.3	Thôn Ngọc Khê	
275	Lê Văn Hùng	38	560	LUC	120	Thôn Ngọc Khê	
276	Lê Văn Hề	38	562	LUC	84.4	Thôn Ngọc Khê	
277	Phạm Văn Cẩm	38	565	LUC	203.8	Thôn Ngọc Khê	
278	Nguyễn Văn Cải	38	569	LUC	73.6	Thôn Ngọc Khê	
279	Phạm Văn Kim	38	572	LUC	89.5	Thôn Ngọc Khê	
280	Phạm Văn Tuấn	38	604	LUC	84.1	Thôn Ngọc Khê	
281	Phạm Văn Tẹ	38	615	LUC	84.2	Thôn Ngọc Khê	
282	Hà Thị Hoài	38	617	LUC	84.9	Thôn Ngọc Khê	
283	Phạm Văn Vá	38	674	LUC	72.7	Thôn Ngọc Khê	
284	Phạm Công Huấn	38	678	LUC	39.1	Thôn Ngọc Khê	
285	Phạm Văn Gân	38	703	LUC	108.9	Thôn Ngọc Khê	
286	Phạm Thị Đăng	38	704	LUC	28	Thôn Ngọc Khê	
287	Phạm Thị Gấn	38	710	LUC	156.2	Thôn Ngọc Khê	
288	Hà Thị Hoài	38	727	LUC	39.6	Thôn Ngọc Khê	
289	Lê Thành Trung	38	732	LUC	118.3	Thôn Ngọc Khê	
290	Phạm Thị Chung	38	782	LUC	160.7	Thôn Ngọc Khê	
291	Nguyễn Văn Mích	38	798	LUC	190.5	Thôn Ngọc Khê	
292	Phạm Văn Tô	38	801	LUC	257.3	Thôn Ngọc Khê	
293	Phạm Văn Tô	38	804	LUC	159.2	Thôn Ngọc Khê	
294	Phạm Văn Kim	38	811	LUC	82.4	Thôn Ngọc Khê	
295	Phạm Văn Huyền	38	812	LUC	26.7	Thôn Ngọc Khê	
296	Phạm Thị Chung	38	825	LUC	158.3	Thôn Ngọc Khê	
297	Phạm Văn Kim	38	831	LUC	51	Thôn Ngọc Khê	
298	Phạm Văn Tô	38	853	LUC	40.8	Thôn Ngọc Khê	
299	Nguyễn Văn Mích	38	863	LUC	185.2	Thôn Ngọc Khê	
300	Phạm Văn Khương	38	865	LUC	101.2	Thôn Ngọc Khê	
301	Hà Thị Hoài	38	928	LUC	96.1	Thôn Ngọc Khê	
302	Phạm Thị Đăng	38	938	LUC	120.3	Thôn Ngọc Khê	
303	Phạm Văn Khương	38	958	LUC	96.9	Thôn Ngọc Khê	
304	Phạm Văn Vá	38	978	LUC	93.2	Thôn Ngọc Khê	
305	Phạm Văn Cẩm	38	990	LUC	197.4	Thôn Ngọc Khê	
306	Lê Văn Hề	38	994	LUC	133.1	Thôn Ngọc Khê	
307	Phạm Văn Gân	38	1025	LUC	86.5	Thôn Ngọc Khê	
308	Phạm Thị Đăng	38	1026	LUC	264.3	Thôn Ngọc Khê	
309	Đồng Thị Đưa	38	1036	LUC	84.5	Thôn Ngọc Khê	
310	Phạm Văn Vá	38	1054	LUC	60.4	Thôn Ngọc Khê	
311	Lê Văn Hề	38	1070	LUC	74.3	Thôn Ngọc Khê	
312	Phạm Thị Gấn	38	1072	LUC	74.3	Thôn Ngọc Khê	
313	Lê Thành Trung	38	1109	LUC	108.1	Thôn Ngọc Khê	
314	Phạm Văn Trường	38	1113	LUC	72.4	Thôn Ngọc Khê	

315	Phạm Thị Gấn	38	1131	LUC	204.2	Thôn Ngọc Khê	
316	Phạm Văn Trường	38	1137	LUC	180.8	Thôn Ngọc Khê	
317	Hà Thị Hoài	38	1172	LUC	469	Thôn Ngọc Khê	
318	Bùi Thị Nền	38	1179	LUC	205.3	Thôn Ngọc Khê	
319	Phạm Văn Vá	39	235	LUC	41.6	Thôn Ngọc Khê	
320	Phạm Văn Dậu	39	241	LUC	96.3	Thôn Ngọc Khê	
321	Phạm Văn Gấn	39	248	LUC	142.5	Thôn Ngọc Khê	
322	Lê Văn Hễ	39	256	LUC	180.1	Thôn Ngọc Khê	
323	Phạm Văn Tẹ	39	273	LUC	231.3	Thôn Ngọc Khê	
324	Phạm Văn Cầm	39	278	LUC	149.3	Thôn Ngọc Khê	
325	Phạm Thị Đăng	39	349	LUC	168.7	Thôn Ngọc Khê	
326	Bùi Thị Nền	39	364	LUC	271.8	Thôn Ngọc Khê	
327	Phạm Văn Kim	39	490	LUC	42.6	Thôn Ngọc Khê	
328	Bùi Thị Nền	39	493	LUC	288.3	Thôn Ngọc Khê	
329	Bùi Thị Nền	39	496	LUC	44	Thôn Ngọc Khê	
330	Nguyễn Văn Mich	39	558	LUC	73.6	Thôn Ngọc Khê	
331	Phạm Văn Thủy	39	643	LUC	138.6	Thôn Ngọc Khê	
332	Phạm Văn Thủy	39	657	LUC	24.5	Thôn Ngọc Khê	
333	Phạm Văn Khương	39	706	LUC	330.6	Thôn Ngọc Khê	
334	Phạm Thị Gấn	39	707	LUC	110.3	Thôn Ngọc Khê	
335	Lê Văn Hễ	39	726	LUC	61.6	Thôn Ngọc Khê	
336	Phạm Văn Gấn	39	852	LUC	12.4	Thôn Ngọc Khê	
337	Phạm Văn Tuấn	39	943	LUC	152.2	Thôn Ngọc Khê	
338	Hà Thị Hoài	39	970	LUC	65.6	Thôn Ngọc Khê	
339	Phạm Văn Khương	39	991	LUC	312.1	Thôn Ngọc Khê	
340	Phạm Văn Chạy	39	994	LUC	97.1	Thôn Ngọc Khê	
341	Phạm Thị Gấn	39	1019	LUC	205.8	Thôn Ngọc Khê	
342	Phạm Văn Ngọc	39	1031	LUC	123.2	Thôn Ngọc Khê	
343	Phạm Văn Huyền	39	1034	LUC	72	Thôn Ngọc Khê	
344	Bùi Thị Nền	39	1049	LUC	96.6	Thôn Ngọc Khê	
345	Phạm Văn Huyền	39	1086	LUC	421.4	Thôn Ngọc Khê	
346	Phạm Văn Chạy	39	1090	LUC	436.7	Thôn Ngọc Khê	
347	Phạm Văn Tô	39	1106	LUC	109.7	Thôn Ngọc Khê	
348	Phạm Thị Học	39	1117	LUC	77	Thôn Ngọc Khê	
349	Phạm Minh Hưởng	39	1212	LUC	301.4	Thôn Ngọc Khê	
350	Nguyễn Văn Cải	39	1217	LUC	618.6	Thôn Ngọc Khê	
351	Phạm Văn Tuấn	39	1224	LUC	165	Thôn Ngọc Khê	
352	Nguyễn Thị Lồng	39	1276	LUC	199	Thôn Ngọc Khê	
353	Phạm Minh Hưởng	39	1312	LUC	169.6	Thôn Ngọc Khê	
354	Lê Văn Hùng	39	1315	LUC	273.8	Thôn Ngọc Khê	
355	Phạm Văn Đồng	39	1354	LUC	114.6	Thôn Ngọc Khê	
356	Nguyễn Thị Hương	43	22	LUC	555.8	Thôn Ngọc Khê	
357	Phạm Văn Vá	43	50	LUC	413.2	Thôn Ngọc Khê	
358	Phạm Văn Gấn	43	71	LUC	371.8	Thôn Ngọc Khê	
359	Phạm Văn Tuấn	43	85	LUC	397.6	Thôn Ngọc Khê	
360	Phạm Văn Cầm	43	108	LUC	417.1	Thôn Ngọc Khê	
361	Hà Thị Hoài	43	115	LUC	264.8	Thôn Ngọc Khê	
362	Lê Văn Hùng	43	146	LUC	211.7	Thôn Ngọc Khê	

363	Đồng Thị Đưa	43	153	LUC	196.8	Thôn Ngọc Khê	
364	Phạm Văn Hạ	43	171	LUC	176.2	Thôn Ngọc Khê	
365	Phạm Văn Tuấn	43	189	LUC	264.9	Thôn Ngọc Khê	
366	Phạm Văn Cẩm	43	196	LUC	397.1	Thôn Ngọc Khê	
367	Đồng Thị Đưa	43	227	LUC	180.6	Thôn Ngọc Khê	
368	Phạm Văn Dâu	43	245	LUC	295.9	Thôn Ngọc Khê	
369	Nguyễn Văn Mích	43	255	LUC	133.9	Thôn Ngọc Khê	
370	Nguyễn Thị Nhân	43	272	LUC	352.2	Thôn Ngọc Khê	
371	Phạm Văn Dâu	43	277	LUC	108.4	Thôn Ngọc Khê	
372	Phạm Văn Thủy	43	280	LUC	250	Thôn Ngọc Khê	
373	Nguyễn Văn Mích	43	282	LUC	167.9	Thôn Ngọc Khê	
374	Nguyễn Văn Cải	43	324	LUC	336.9	Thôn Ngọc Khê	
375	Phạm Văn Hạ	43	339	LUC	253.5	Thôn Ngọc Khê	
376	Phạm Thị Học	43	350	LUC	397.1	Thôn Ngọc Khê	
377	Phạm Văn Dâu	43	363	LUC	198.2	Thôn Ngọc Khê	
378	Lê Văn Hễ	43	370	LUC	73.8	Thôn Ngọc Khê	
379	Phạm Văn Huyền	43	379	LUC	257.8	Thôn Ngọc Khê	
380	Phạm Văn Tô	43	418	LUC	173.8	Thôn Ngọc Khê	
381	Phạm Văn Tẹ	43	444	LUC	95	Thôn Ngọc Khê	
382	Phạm Văn Tẹ	43	453	LUC	228.9	Thôn Ngọc Khê	
383	Nguyễn Văn Cải	43	454	LUC	111.1	Thôn Ngọc Khê	
384	Phạm Văn Vá	43	469	LUC	100.8	Thôn Ngọc Khê	
385	Phạm Văn Kim	43	505	LUC	832.1	Thôn Ngọc Khê	
386	Phạm Văn Dâu	43	510	LUC	120.9	Thôn Ngọc Khê	
387	Phạm Văn Dâu	43	513	LUC	409.3	Thôn Ngọc Khê	
388	Phạm Văn Dâu	43	517	LUC	55.4	Thôn Ngọc Khê	
389	Phạm Văn Vá	43	524	LUC	65	Thôn Ngọc Khê	
390	Phạm Thị Đăng	43	534	LUC	163.8	Thôn Ngọc Khê	
391	Hà Thị Hoài	43	538	LUC	266.4	Thôn Ngọc Khê	
392	Lê Văn Hễ	43	544	LUC	599.6	Thôn Ngọc Khê	
393	Phạm Thị Đăng	43	555	LUC	72.4	Thôn Ngọc Khê	
394	Phạm Thị Đăng	43	570	LUC	570.5	Thôn Ngọc Khê	
395	Phạm Thị Đăng	43	580	LUC	181	Thôn Ngọc Khê	
396	Phạm Văn Cẩm	43	585	LUC	272.8	Thôn Ngọc Khê	
397	Phạm Văn Tô	43	587	LUC	426.7	Thôn Ngọc Khê	
398	Phạm Văn Gân	43	604	LUC	119.9	Thôn Ngọc Khê	
399	Nguyễn Văn Cải	43	639	LUC	124.5	Thôn Ngọc Khê	
400	Lê Văn Phiên	43	644	LUC	443.9	Thôn Ngọc Khê	
401	Phạm Thị Học	43	652	LUC	349.5	Thôn Ngọc Khê	
402	Phạm Văn Kim	43	680	LUC	409.8	Thôn Ngọc Khê	
403	Phạm Văn Đồng	43	686	LUC	336.6	Thôn Ngọc Khê	
404	Phạm Văn Kim	44	6	LUC	192.3	Thôn Ngọc Khê	
405	Phạm Văn Tuấn	44	11	LUC	361.9	Thôn Ngọc Khê	
406	Lê Văn Phiên	44	101	LUC	300.8	Thôn Ngọc Khê	
407	Bùi Thị Nền	44	120	LUC	402	Thôn Ngọc Khê	
408	Phạm Văn Tẹ	44	126	LUC	469.3	Thôn Ngọc Khê	
409	Phạm Văn Chạy	44	162	LUC	240.5	Thôn Ngọc Khê	
410	Phạm Văn Dâu	44	183	LUC	432.2	Thôn Ngọc Khê	

411	Phạm Thị Gắn	44	231	LUC	613.6	Thôn Ngọc Khê	
412	Lê Văn Hễ	44	365	LUC	113.4	Thôn Ngọc Khê	
413	Phạm Văn Chạy	44	468	LUC	192.4	Thôn Ngọc Khê	
414	Phạm Văn Gắn	44	481	LUC	197.1	Thôn Ngọc Khê	
415	Đỗ Thị Tròn	44	525	LUC	435.1	Thôn Ngọc Khê	
416	Phạm Thị Mễ	44	530	LUC	477.2	Thôn Ngọc Khê	
417	Đồng Thị Đưa	44	536	LUC	181.6	Thôn Ngọc Khê	
418	Lê Văn Hùng	44	541	LUC	324.3	Thôn Ngọc Khê	
419	Lê Văn Hùng	44	569	LUC	316.6	Thôn Ngọc Khê	
420	Đồng Thị Đưa	44	597	LUC	36.7	Thôn Ngọc Khê	
421	Lê Văn Hễ	44	722	LUC	133.7	Thôn Ngọc Khê	
422	Phạm Văn Đức	44	723	LUC	233.8	Thôn Ngọc Khê	
423	Nguyễn Văn Cái	44	829	LUC	229.5	Thôn Ngọc Khê	
424	Phạm Văn Thuỷ	44	832	LUC	300.6	Thôn Ngọc Khê	
425	Phạm Văn Chạy	44	849	LUC	445.6	Thôn Ngọc Khê	
426	Phạm Văn Trường	44	884	LUC	120.7	Thôn Ngọc Khê	
427	Nguyễn Văn Mích	44	965	LUC	436.3	Thôn Ngọc Khê	
428	Phạm Văn Tuấn	44	980	LUC	513.5	Thôn Ngọc Khê	
429	Phạm Văn Khương	44	982	LUC	552.9	Thôn Ngọc Khê	
430	Phạm Văn Tẹ	44	987	LUC	396.6	Thôn Ngọc Khê	
431	Phạm Công Huân	44	1000	LUC	336.6	Thôn Ngọc Khê	
432	Phạm Thị Thu Hằng	44	1004	LUC	340.7	Thôn Ngọc Khê	
433	Phạm Thị Đăng	44	1079	LUC	424.6	Thôn Ngọc Khê	
434	Đồng Thị Đưa	44	1165	LUC	220.6	Thôn Ngọc Khê	
435	Đồng Thị Đưa	44	1174	LUC	322.1	Thôn Ngọc Khê	
436	Phạm Văn Đồng	44	1226	LUC	470.7	Thôn Ngọc Khê	
437	Phạm Văn Gắn	44	1282	LUC	208.2	Thôn Ngọc Khê	
438	Nguyễn Văn Cái	44	1388	LUC	206.3	Thôn Ngọc Khê	
439	Nguyễn Văn Mích	44	1404	LUC	303.4	Thôn Ngọc Khê	
440	Lê Văn Phiên	44	1490	LUC	348.6	Thôn Ngọc Khê	
441	Phạm Văn Tẹ	44	1613	LUC	137	Thôn Ngọc Khê	
442	Phạm Công Huân	44	1626	LUC	490	Thôn Ngọc Khê	
443	Phạm Văn Kim	44	1689	LUC	320.7	Thôn Ngọc Khê	
444	Phạm Văn Gắn	44	1733	LUC	161.5	Thôn Ngọc Khê	
445	Phạm Thị Gắn	44	1754	LUC	361	Thôn Ngọc Khê	
446	Phạm Văn Vá	44	1833	LUC	242.9	Thôn Ngọc Khê	
447	Lê Văn Hùng	44	1856	LUC	207.4	Thôn Ngọc Khê	
448	Phạm Văn Vá	44	1865	LUC	143.2	Thôn Ngọc Khê	
449	Lê Văn Hễ	44	1871	LUC	178	Thôn Ngọc Khê	
450	Đồng Thị Đưa	44	1879	LUC	337.7	Thôn Ngọc Khê	
451	Lê Văn Hùng	44	1882	LUC	126.8	Thôn Ngọc Khê	
452	Phạm Văn Đồng	136	67	HNK	240.8	Thôn Ngọc Khê	
453	Nguyễn Văn Cái	143	84	HNK	315.5	Thôn Ngọc Khê	
454	Phạm Công Huân	143	95	HNK	142.7	Thôn Ngọc Khê	
455	Lê Văn Khấp	143	102	CLN	721.8	Thôn Ngọc Khê	
456	Lê Đức Anh	143	106	HNK	335.1	Thôn Ngọc Khê	
457	Lê Thành Trung	143	115	HNK	78.1	Thôn Ngọc Khê	
458	Phạm Văn Hạ	143	301	HNK	896.9	Thôn Ngọc Khê	

459	Phạm Văn Hạ	143	302	HNK	552.7	Thôn Ngọc Khê	
460	Phạm Văn Khương	143	352	HNK	978.1	Thôn Ngọc Khê	
461	Lê Thị Lê	38	43	HNK	156.5	Thôn Ngọc Khê	
462	Lê Văn Muôn	38	67	LUC	133.7	Thôn Ngọc Khê	
463	Lê Thị Bắc	38	73	LUC	49	Thôn Ngọc Khê	
464	Phạm Văn Cương	38	80	LUC	60.2	Thôn Ngọc Khê	
465	Lê Thị Lê	38	101	LUC	36.4	Thôn Ngọc Khê	
466	Lê Văn Tuyển	38	117	LUC	60.3	Thôn Ngọc Khê	
467	Phạm Văn Cui	38	118	LUC	24.1	Thôn Ngọc Khê	
468	Nguyễn Văn Cảnh	38	131	LUC	81.9	Thôn Ngọc Khê	
469	Lê Văn Đoàn	38	164	LUC	61.1	Thôn Ngọc Khê	
470	Lê Văn Tinh	38	187	LUC	97.7	Thôn Ngọc Khê	
471	Lê Văn Thoại	38	203	LUC	150.2	Thôn Ngọc Khê	
472	Lê Văn Tuyên	38	232	LUC	11.5	Thôn Ngọc Khê	
473	Lê Văn Tuyên	38	237	LUC	32.7	Thôn Ngọc Khê	
474	Lê Thị Bệ	38	259	LUC	88.6	Thôn Ngọc Khê	
475	Nguyễn Văn Quế	38	265	LUC	120.8	Thôn Ngọc Khê	
476	Lê Văn Tuyển	38	270	HNK	93.6	Thôn Ngọc Khê	
477	Nguyễn Thị Bảy	38	280	LUC	60.4	Thôn Ngọc Khê	
478	Lê Thị Những	38	304	LUC	132	Thôn Ngọc Khê	
479	Lê Văn Hương	38	311	LUC	60.1	Thôn Ngọc Khê	
480	Phạm Văn Lự	38	319	LUC	100.4	Thôn Ngọc Khê	
481	Vũ Thị Đài	38	323	LUC	96.1	Thôn Ngọc Khê	
482	Lê Văn Thoại	38	326	LUC	113.4	Thôn Ngọc Khê	
483	Lê Văn Tinh	38	327	LUC	132.8	Thôn Ngọc Khê	
484	Vũ Thị Dinh	38	350	LUC	87.3	Thôn Ngọc Khê	
485	Phạm Hồng Ca	38	355	LUC	38.4	Thôn Ngọc Khê	
486	Nguyễn Thị Xoan	38	363	LUC	54	Thôn Ngọc Khê	
487	Vũ Thị Đài	38	364	LUC	48.4	Thôn Ngọc Khê	
488	Nguyễn Văn Quế	38	379	LUC	288.5	Thôn Ngọc Khê	
489	Lê Thanh Bình	38	394	LUC	49	Thôn Ngọc Khê	
490	Vũ Thị Dinh	38	398	LUC	43.9	Thôn Ngọc Khê	
491	Lê Văn Tuyển	38	419	HNK	112.3	Thôn Ngọc Khê	
492	Mai Thị Vươn	38	425	HNK	39.9	Thôn Ngọc Khê	
493	Lê Thanh Bình	38	430	HNK	72.3	Thôn Ngọc Khê	
494	Lê Thị Bắc	38	441	LUC	89.1	Thôn Ngọc Khê	
495	Phạm Văn Cương	38	456	LUC	67.9	Thôn Ngọc Khê	
496	Nguyễn Văn Các	38	463	LUC	84.4	Thôn Ngọc Khê	
497	Phạm Thị Mai	38	466	LUC	24.6	Thôn Ngọc Khê	
498	Nguyễn Văn Các	38	487	LUC	101	Thôn Ngọc Khê	
499	Lê Văn Vận	38	493	LUC	160.9	Thôn Ngọc Khê	
500	Phạm Văn Cui	38	494	LUC	42.8	Thôn Ngọc Khê	
501	Lê Văn Thảo	38	496	LUC	109.4	Thôn Ngọc Khê	
502	Phạm Văn Cương	38	497	LUC	51.1	Thôn Ngọc Khê	
503	Lê Văn Phúc	38	500	HNK	44.5	Thôn Ngọc Khê	
504	Lê Văn Tuyển	38	510	HNK	36.4	Thôn Ngọc Khê	
505	Phạm Thị Nha	38	519	LUC	24.7	Thôn Ngọc Khê	
506	Vũ Thị Dinh	38	524	LUC	78.5	Thôn Ngọc Khê	

507	Lê Thị Những	38	526	LUC	73.9	Thôn Ngọc Khê	
508	Nguyễn Văn Quế	38	527	LUC	268.1	Thôn Ngọc Khê	
509	Lê Văn Bão	38	529	LUC	52	Thôn Ngọc Khê	
510	Lê Văn Bão	38	531	LUC	111.3	Thôn Ngọc Khê	
511	Lê Văn Phúc	38	541	LUC	101.9	Thôn Ngọc Khê	
512	Phạm Văn Lợi	38	542	LUC	138.6	Thôn Ngọc Khê	
513	Mai Thị Vươn	38	556	HNK	72.3	Thôn Ngọc Khê	
514	Phạm Văn Đường	38	564	LUC	82	Thôn Ngọc Khê	
515	Lê Thị Lê	38	576	LUC	24.6	Thôn Ngọc Khê	
516	Lê Văn Sim	38	583	LUC	209.2	Thôn Ngọc Khê	
517	Lê Thanh Sơn	38	589	LUC	55.4	Thôn Ngọc Khê	
518	Phạm Văn Dậu	38	590	LUC	196.3	Thôn Ngọc Khê	
519	Lê Văn Thoại	38	599	LUC	65.1	Thôn Ngọc Khê	
520	Lê Thị Ngoãn	38	620	LUC	84.1	Thôn Ngọc Khê	
521	Phạm Văn Lợi	38	621	LUC	168.1	Thôn Ngọc Khê	
522	Nguyễn Văn Quế	38	623	LUC	48.1	Thôn Ngọc Khê	
523	Nguyễn Văn Phụng	38	637	LUC	62.4	Thôn Ngọc Khê	
524	Nguyễn Thị Moi	38	639	LUC	132.1	Thôn Ngọc Khê	
525	Lê Thanh Sơn	38	648	LUC	132	Thôn Ngọc Khê	
526	Phạm Văn Ngoãn	38	651	LUC	193.4	Thôn Ngọc Khê	
527	Phạm Hồng Ca	38	654	LUC	32.8	Thôn Ngọc Khê	
528	Lê Văn Hương	38	656	LUC	82.3	Thôn Ngọc Khê	
529	Phạm Thị Nha	38	663	LUC	120.4	Thôn Ngọc Khê	
530	Nguyễn Văn Quế	38	685	LUC	64.9	Thôn Ngọc Khê	
531	Phạm Thị Nha	38	716	LUC	56.3	Thôn Ngọc Khê	
532	Phạm Văn Sắc	38	731	LUC	72.3	Thôn Ngọc Khê	
533	Phạm Văn Túc	38	733	LUC	63.2	Thôn Ngọc Khê	
534	Phạm Văn Mau	38	741	LUC	158.1	Thôn Ngọc Khê	
535	Lê Văn Đoàn	38	748	LUC	252.4	Thôn Ngọc Khê	
536	Nguyễn Thị Bim	38	751	LUC	108.1	Thôn Ngọc Khê	
537	Vũ Thị Đãi	38	752	LUC	54.4	Thôn Ngọc Khê	
538	Lê Thanh Bình	38	761	LUC	24.6	Thôn Ngọc Khê	
539	Nguyễn Văn Các	38	762	LUC	84.9	Thôn Ngọc Khê	
540	Lê Văn Bao	38	770	LUC	95	Thôn Ngọc Khê	
541	Phạm Văn Cui	38	784	LUC	111.7	Thôn Ngọc Khê	
542	Lê Văn Vận	38	785	LUC	50.8	Thôn Ngọc Khê	
543	Nguyễn Thị Bim	38	786	LUC	248.7	Thôn Ngọc Khê	
544	Phạm Văn Lợi	38	792	LUC	150	Thôn Ngọc Khê	
545	Lê Văn Vận	38	793	LUC	211	Thôn Ngọc Khê	
546	Lê Văn Vận	38	794	LUC	454.7	Thôn Ngọc Khê	
547	Lê Thị Ngoãn	38	795	LUC	278.9	Thôn Ngọc Khê	
548	Lê Văn Tuyên	38	800	LUC	154.6	Thôn Ngọc Khê	
549	Phạm Văn Đường	38	806	LUC	139.4	Thôn Ngọc Khê	
550	Lê Văn Thoại	38	813	LUC	266.5	Thôn Ngọc Khê	
551	Phạm Văn Đường	38	815	LUC	66.3	Thôn Ngọc Khê	
552	Lê Văn Thoại	38	821	LUC	72.8	Thôn Ngọc Khê	
553	Lê Thị Bẹ	38	827	LUC	156.4	Thôn Ngọc Khê	
554	Phạm Văn Cui	38	830	LUC	59.5	Thôn Ngọc Khê	

555	Lê Thị Bệ	38	836	LUC	156.4	Thôn Ngọc Khê	
556	Phạm Văn Cui	38	838	LUC	135.2	Thôn Ngọc Khê	
557	Lê Văn Muôn	38	840	LUC	372.9	Thôn Ngọc Khê	
558	Lê Văn Tuyên	38	847	LUC	70.2	Thôn Ngọc Khê	
559	Lê Văn Thoai	38	848	LUC	64.3	Thôn Ngọc Khê	
560	Lê Thị Những	38	852	LUC	579.9	Thôn Ngọc Khê	
561	Nguyễn Văn Cạnh	38	888	LUC	245.6	Thôn Ngọc Khê	
562	Phạm Văn Túc	38	889	LUC	312	Thôn Ngọc Khê	
563	Lê Thị Lê	38	903	LUC	230.4	Thôn Ngọc Khê	
564	Nguyễn Văn Cạnh	38	913	LUC	128.2	Thôn Ngọc Khê	
565	Lê Thị Lê	38	918	LUC	160.5	Thôn Ngọc Khê	
566	Nguyễn Văn Quế	38	941	LUC	228.3	Thôn Ngọc Khê	
567	Lê Thị Tỵ	38	942	LUC	229.1	Thôn Ngọc Khê	
568	Lê Văn Vận	38	947	LUC	228.3	Thôn Ngọc Khê	
569	Phạm Văn Lợi	38	950	LUC	120.2	Thôn Ngọc Khê	
570	Lê Văn Vận	38	951	LUC	154	Thôn Ngọc Khê	
571	Phạm Văn Dậu	38	961	LUC	195.8	Thôn Ngọc Khê	
572	Lê Thị Những	38	966	LUC	81.1	Thôn Ngọc Khê	
573	Vũ Thị Dinh	38	980	LUC	86	Thôn Ngọc Khê	
574	Lê Văn Bảo	38	985	LUC	108.9	Thôn Ngọc Khê	
575	Phạm Thị Nha	38	1002	LUC	85.8	Thôn Ngọc Khê	
576	Phạm Hồng Ca	38	1004	LUC	97.7	Thôn Ngọc Khê	
577	Phạm Văn Vận	38	1016	LUC	108.9	Thôn Ngọc Khê	
578	Lê Văn Thoai	38	1024	LUC	120.2	Thôn Ngọc Khê	
579	Phạm Thị Dự	38	1047	LUC	120	Thôn Ngọc Khê	
580	Lê Văn Tuyên	38	1057	LUC	183.3	Thôn Ngọc Khê	
581	Nguyễn Thị Xoan	38	1068	LUC	51.5	Thôn Ngọc Khê	
582	Phạm Thị Dự	38	1073	LUC	126.2	Thôn Ngọc Khê	
583	Lê Văn Thoai	38	1081	LUC	82.5	Thôn Ngọc Khê	
584	Nguyễn Văn Quế	38	1091	LUC	86	Thôn Ngọc Khê	
585	Phạm Văn Mau	38	1098	LUC	86.4	Thôn Ngọc Khê	
586	Vũ Thị Đài	38	1101	LUC	170.5	Thôn Ngọc Khê	
587	Nguyễn Văn Quế	38	1105	LUC	108.3	Thôn Ngọc Khê	
588	Đỗ Thị Thu Hạnh	38	1108	LUC	217.3	Thôn Ngọc Khê	
589	Nguyễn Văn Lượng	38	1114	LUC	548.7	Thôn Ngọc Khê	
590	Lê Văn Bảo	38	1122	LUC	253.5	Thôn Ngọc Khê	
591	Phạm Văn Mau	38	1123	LUC	119.9	Thôn Ngọc Khê	
592	Lê Văn Bảo	38	1138	LUC	180.3	Thôn Ngọc Khê	
593	Nguyễn Thị Bim	38	1139	LUC	229.6	Thôn Ngọc Khê	
594	Lê Thanh Sơn	38	1144	LUC	144.1	Thôn Ngọc Khê	
595	Phạm Thị Nha	38	1147	LUC	135.1	Thôn Ngọc Khê	
596	Phạm Văn Khuông	38	1155	LUC	324	Thôn Ngọc Khê	
597	Lê Văn Đoàn	38	1189	LUC	49	Thôn Ngọc Khê	
598	Nguyễn Thị Bim	39	221	LUC	24.3	Thôn Ngọc Khê	
599	Phạm Văn Khuông	39	233	LUC	96	Thôn Ngọc Khê	
600	Nguyễn Thị Bim	39	236	LUC	121.1	Thôn Ngọc Khê	
601	Nguyễn Thị Bim	39	237	LUC	159.6	Thôn Ngọc Khê	
602	Đỗ Thị Thu Hạnh	39	247	LUC	322.1	Thôn Ngọc Khê	

603	Phạm Thị Dữ	39	267	LUC	135.6	Thôn Ngọc Khê	
604	Mai Thị Vươn	39	270	LUC	157.4	Thôn Ngọc Khê	
605	Phạm Văn Cương	39	274	LUC	98	Thôn Ngọc Khê	
606	Phạm Văn Đàn	39	277	LUC	139.7	Thôn Ngọc Khê	
607	Phạm Văn Dậu	39	324	LUC	205.5	Thôn Ngọc Khê	
608	Mai Thị Vươn	39	351	LUC	131.4	Thôn Ngọc Khê	
609	Nguyễn Văn Quế	39	375	LUC	144.6	Thôn Ngọc Khê	
610	Lê Văn Thao	39	405	LUC	36.2	Thôn Ngọc Khê	
611	Lê Văn Thao	39	409	LUC	73.4	Thôn Ngọc Khê	
612	Lê Văn Thao	39	411	LUC	13.3	Thôn Ngọc Khê	
613	Lê Văn Thao	39	412	LUC	24.2	Thôn Ngọc Khê	
614	Lê Văn Thao	39	414	LUC	17.7	Thôn Ngọc Khê	
615	Lê Văn Thao	39	419	LUC	14.2	Thôn Ngọc Khê	
616	Lê Văn Thao	39	425	LUC	101.5	Thôn Ngọc Khê	
617	Phạm Văn Đàn	39	539	LUC	482.8	Thôn Ngọc Khê	
618	Lê Thị Những	39	568	LUC	79.7	Thôn Ngọc Khê	
619	Lê Thị Lê	39	569	LUC	216.5	Thôn Ngọc Khê	
620	Nguyễn Văn Phụng	39	626	LUC	49.3	Thôn Ngọc Khê	
621	Lê Văn Thoai	39	634	LUC	189.6	Thôn Ngọc Khê	
622	Phạm Thị Nha	39	684	LUC	16.5	Thôn Ngọc Khê	
623	Lê Văn Tuyển	39	708	LUC	200.2	Thôn Ngọc Khê	
624	Vũ Thị Đãi	39	716	LUC	156.8	Thôn Ngọc Khê	
625	Nguyễn Văn Phụng	39	719	LUC	10.4	Thôn Ngọc Khê	
626	Phạm Văn Vạn	39	720	LUC	174	Thôn Ngọc Khê	
627	Vũ Thị Dinh	39	731	LUC	56.3	Thôn Ngọc Khê	
628	Phạm Văn Lự	39	775	LUC	36.6	Thôn Ngọc Khê	
629	Phạm Văn Mạnh	39	795	LUC	207.3	Thôn Ngọc Khê	
630	Phạm Văn Túc	39	881	LUC	24	Thôn Ngọc Khê	
631	Vũ Thị Dinh	39	888	LUC	302.8	Thôn Ngọc Khê	
632	Lê Văn Chiên	39	928	LUC	289.6	Thôn Ngọc Khê	
633	Phạm Văn Lợi	39	929	LUC	132.2	Thôn Ngọc Khê	
634	Lê Thanh Bình	39	958	LUC	144.7	Thôn Ngọc Khê	
635	Lê Văn Tĩnh	39	963	LUC	305	Thôn Ngọc Khê	
636	Lê Văn Hương	39	974	LUC	205.2	Thôn Ngọc Khê	
637	Phạm Văn Dậu	39	977	LUC	96.3	Thôn Ngọc Khê	
638	Lê Văn Thảo	39	987	LUC	252.3	Thôn Ngọc Khê	
639	Phạm Thị Ha	39	996	LUC	85.3	Thôn Ngọc Khê	
640	Phạm Văn Ngoãn	39	997	LUC	229.4	Thôn Ngọc Khê	
641	Lê Thị Hoàn	39	1006	LUC	324.9	Thôn Ngọc Khê	
642	Lê Văn Hương	39	1050	LUC	79.6	Thôn Ngọc Khê	
643	Nguyễn Thị Moi	39	1062	LUC	201.7	Thôn Ngọc Khê	
644	Phạm Văn Túc	39	1093	LUC	324.8	Thôn Ngọc Khê	
645	Lê Văn Hương	39	1123	LUC	65.8	Thôn Ngọc Khê	
646	Lê Văn Hương	39	1143	LUC	148.6	Thôn Ngọc Khê	
647	Phạm Văn Khuông	39	1187	LUC	315.9	Thôn Ngọc Khê	
648	Lê Văn Tĩnh	39	1198	LUC	268.9	Thôn Ngọc Khê	
649	Phạm Văn Mạnh	39	1234	LUC	264	Thôn Ngọc Khê	
650	Phạm Hồng Ca	39	1279	LUC	264.7	Thôn Ngọc Khê	

651	Nguyễn Văn Lượng	39	1281	LUC	339.2	Thôn Ngọc Khê	
652	Phạm Văn Lợi	39	1290	LUC	192.8	Thôn Ngọc Khê	
653	Nguyễn Văn Cảnh	43	11	LUC	379.1	Thôn Ngọc Khê	
654	Phạm Văn Đường	43	19	LUC	387.3	Thôn Ngọc Khê	
655	Nguyễn Văn Lượng	43	20	LUC	408.4	Thôn Ngọc Khê	
656	Lê Thị Bắc	43	29	LUC	359.8	Thôn Ngọc Khê	
657	Nguyễn Thị Moi	43	38	LUC	245.3	Thôn Ngọc Khê	
658	Phạm Thị Ngọc Mai	43	42	LUC	415	Thôn Ngọc Khê	
659	Lê Văn Đoàn	43	45	LUC	444.4	Thôn Ngọc Khê	
660	Phạm Hồng Ca	43	48	LUC	145.3	Thôn Ngọc Khê	
661	Nguyễn Văn Các	43	55	LUC	305	Thôn Ngọc Khê	
662	Phạm Văn Cương	43	57	LUC	318.9	Thôn Ngọc Khê	
663	Phạm Văn Sắc	43	61	LUC	466.6	Thôn Ngọc Khê	
664	Lê Thanh Sơn	43	64	LUC	262.2	Thôn Ngọc Khê	
665	Nguyễn Thị Xoan	43	66	LUC	260.4	Thôn Ngọc Khê	
666	Lê Văn Thoại	43	77	LUC	253.5	Thôn Ngọc Khê	
667	Phạm Văn Cui	43	86	LUC	492.5	Thôn Ngọc Khê	
668	Lê Văn Hương	43	87	LUC	218.6	Thôn Ngọc Khê	
669	Phạm Văn Đường	43	89	LUC	360.2	Thôn Ngọc Khê	
670	Lê Thanh Bình	43	90	LUC	326.9	Thôn Ngọc Khê	
671	Phạm Văn Đường	43	91	LUC	265.5	Thôn Ngọc Khê	
672	Lê Văn Đoàn	43	112	LUC	120.7	Thôn Ngọc Khê	
673	Lê Thị Bẹ	43	114	LUC	436	Thôn Ngọc Khê	
674	Phạm Văn Dậu	43	126	LUC	229.3	Thôn Ngọc Khê	
675	Nguyễn Thị Bim	43	128	LUC	321.2	Thôn Ngọc Khê	
676	Lê Văn Sim	43	133	LUC	452.6	Thôn Ngọc Khê	
677	Phạm Thị Chi	43	141	LUC	438.9	Thôn Ngọc Khê	
678	Phạm Hồng Ca	43	150	LUC	511.1	Thôn Ngọc Khê	
679	Phạm Văn Cương	43	159	LUC	218.3	Thôn Ngọc Khê	
680	Phạm Văn Ngoãn	43	172	LUC	135.4	Thôn Ngọc Khê	
681	Lê Thị Những	43	183	LUC	301.9	Thôn Ngọc Khê	
682	Phạm Văn Mạnh	43	186	LUC	162.1	Thôn Ngọc Khê	
683	Lê Văn Hương	43	193	LUC	169.5	Thôn Ngọc Khê	
684	Nguyễn Văn Quế	43	209	LUC	494.2	Thôn Ngọc Khê	
685	Lê Thanh Sơn	43	232	LUC	386.8	Thôn Ngọc Khê	
686	Phạm Thị Nha	43	237	LUC	367	Thôn Ngọc Khê	
687	Phạm Văn Ngoãn	43	240	LUC	442.5	Thôn Ngọc Khê	
688	Phạm Văn Ngoãn	43	248	LUC	96.3	Thôn Ngọc Khê	
689	Nguyễn Thị Moi	43	257	LUC	133.6	Thôn Ngọc Khê	
690	Nguyễn Thị Bim	43	260	LUC	258	Thôn Ngọc Khê	
691	Lê Thị Ngoãn	43	262	LUC	377.6	Thôn Ngọc Khê	
692	Lê Văn Đoàn	43	278	LUC	366.3	Thôn Ngọc Khê	
693	Nguyễn Thị Bim	43	281	LUC	107.2	Thôn Ngọc Khê	
694	Phạm Văn Lợi	43	285	LUC	378.7	Thôn Ngọc Khê	
695	Lê Thanh Bình	43	289	LUC	240.7	Thôn Ngọc Khê	
696	Phạm Hồng Ca	43	294	LUC	245.7	Thôn Ngọc Khê	
697	Lê Thanh Sơn	43	308	LUC	523	Thôn Ngọc Khê	
698	Lê Thị Bắc	43	333	LUC	204.6	Thôn Ngọc Khê	

699	Phạm Văn Mau	43	335	LUC	171.6	Thôn Ngọc Khê	
700	Lê Văn Muôn	43	338	LUC	156.6	Thôn Ngọc Khê	
701	Nguyễn Thị Xoan	43	356	LUC	253.7	Thôn Ngọc Khê	
702	Lê Thị Những	43	362	LUC	288.7	Thôn Ngọc Khê	
703	Lê Văn Muôn	43	369	LUC	228.3	Thôn Ngọc Khê	
704	Lê Thị Lê	43	375	LUC	216.5	Thôn Ngọc Khê	
705	Lê Văn Bão	43	378	LUC	781	Thôn Ngọc Khê	
706	Lê Thị Bẹ	43	389	LUC	161.5	Thôn Ngọc Khê	
707	Phạm Văn Lợi	43	396	LUC	626.4	Thôn Ngọc Khê	
708	Mai Thị Vươn	43	397	LUC	103.4	Thôn Ngọc Khê	
709	Phạm Văn Dậu	43	398	LUC	147.3	Thôn Ngọc Khê	
710	Nguyễn Mạnh Hùng	43	416	LUC	197.4	Thôn Ngọc Khê	
711	Lê Thị Ngoãn	43	424	LUC	149.7	Thôn Ngọc Khê	
712	Nguyễn Thị Moi	43	433	LUC	90.1	Thôn Ngọc Khê	
713	Phạm Thị Nha	43	455	LUC	396.2	Thôn Ngọc Khê	
714	Mai Thị Vươn	43	485	LUC	211.1	Thôn Ngọc Khê	
715	Phạm Thị Nha	43	495	LUC	170.8	Thôn Ngọc Khê	
716	Mai Thị Vươn	43	508	LUC	134.6	Thôn Ngọc Khê	
717	Lê Thị Những	43	509	LUC	203.4	Thôn Ngọc Khê	
718	Lê Thị Bẹ	43	526	LUC	142.3	Thôn Ngọc Khê	
719	Lê Văn Bão	43	527	LUC	413.2	Thôn Ngọc Khê	
720	Phạm Văn Cương	43	532	LUC	135.8	Thôn Ngọc Khê	
721	Nguyễn Văn Các	43	537	LUC	79.6	Thôn Ngọc Khê	
722	Lê Văn Hương	43	543	LUC	264.6	Thôn Ngọc Khê	
723	Nguyễn Văn Lượng	43	550	LUC	420.2	Thôn Ngọc Khê	
724	Phạm Văn Mau	43	551	LUC	349.3	Thôn Ngọc Khê	
725	Nguyễn Văn Phụng	43	552	LUC	563.6	Thôn Ngọc Khê	
726	Phạm Văn Túc	43	558	LUC	153.8	Thôn Ngọc Khê	
727	Lê Thanh Bình	43	564	LUC	152.7	Thôn Ngọc Khê	
728	Lê Thị Lê	43	578	LUC	386.4	Thôn Ngọc Khê	
729	Lê Văn Sim	43	579	LUC	254.6	Thôn Ngọc Khê	
730	Nguyễn Văn Quế	43	584	LUC	137.7	Thôn Ngọc Khê	
731	Nguyễn Văn Quế	43	591	LUC	437.4	Thôn Ngọc Khê	
732	Lê Văn Hương	43	620	LUC	156.8	Thôn Ngọc Khê	
733	Lê Thị Lê	43	622	LUC	240.7	Thôn Ngọc Khê	
734	Lê Văn Vạng	43	664	LUC	250	Thôn Ngọc Khê	
735	Nguyễn Thị Bim	43	670	LUC	49.2	Thôn Ngọc Khê	
736	Phạm Văn Đàn	43	674	LUC	352.8	Thôn Ngọc Khê	
737	Mai Thị Vươn	44	92	LUC	198.5	Thôn Ngọc Khê	
738	Phạm Thị Mai	44	93	LUC	180.1	Thôn Ngọc Khê	
739	Nguyễn Mạnh Hùng	44	139	LUC	223.5	Thôn Ngọc Khê	
740	Phạm Thị Ha	44	159	LUC	327.7	Thôn Ngọc Khê	
741	Lê Thị Bẹ	44	246	LUC	159.3	Thôn Ngọc Khê	
742	Nguyễn Thị Bim	44	263	LUC	240.6	Thôn Ngọc Khê	
743	Lê Thị Bẹ	44	267	LUC	246.6	Thôn Ngọc Khê	
744	Phạm Văn Túc	44	332	LUC	74.2	Thôn Ngọc Khê	
745	Lê Văn Hương	44	357	LUC	290.8	Thôn Ngọc Khê	
746	Phạm Văn Túc	44	392	LUC	105	Thôn Ngọc Khê	

747	Phạm Văn Lự	44	457	LUC	194.5	Thôn Ngọc Khê	
748	Nguyễn Văn Quế	44	494	LUC	676	Thôn Ngọc Khê	
749	Phạm Văn Túc	44	556	LUC	413.3	Thôn Ngọc Khê	
750	Phạm Văn Cương	44	577	LUC	398.9	Thôn Ngọc Khê	
751	Nguyễn Văn Phụng	44	614	LUC	267.6	Thôn Ngọc Khê	
752	Phạm Văn Lự	44	626	LUC	126.4	Thôn Ngọc Khê	
753	Nguyễn Văn Phụng	44	658	LUC	192.4	Thôn Ngọc Khê	
754	Nguyễn Văn Quế	44	659	LUC	65.3	Thôn Ngọc Khê	
755	Lê Thanh Bình	44	662	LUC	228.7	Thôn Ngọc Khê	
756	Nguyễn Thị Xoan	44	732	LUC	437.1	Thôn Ngọc Khê	
757	Phạm Văn Túc	44	735	LUC	111.7	Thôn Ngọc Khê	
758	Lê Văn Thoại	44	739	LUC	156.5	Thôn Ngọc Khê	
759	Lê Thanh Sơn	44	749	LUC	432.8	Thôn Ngọc Khê	
760	Nguyễn Văn Các	44	757	LUC	193	Thôn Ngọc Khê	
761	Lê Văn Tuyển	44	765	LUC	445.7	Thôn Ngọc Khê	
762	Phạm Văn Sắc	44	766	LUC	182.5	Thôn Ngọc Khê	
763	Lê Văn Tuyển	44	798	LUC	109.4	Thôn Ngọc Khê	
764	Nguyễn Thị Bim	44	861	LUC	445.6	Thôn Ngọc Khê	
765	Nguyễn Thị Xoan	44	863	LUC	180.4	Thôn Ngọc Khê	
766	Lê Văn Đoàn	44	877	LUC	396.1	Thôn Ngọc Khê	
767	Phạm Văn Dậu	44	896	LUC	363.1	Thôn Ngọc Khê	
768	Phạm Thị Nha	44	930	LUC	120.2	Thôn Ngọc Khê	
769	Lê Văn Bảo	44	992	LUC	533	Thôn Ngọc Khê	
770	Mai Thị Vươn	44	1075	LUC	186.4	Thôn Ngọc Khê	
771	Nguyễn Văn Phụng	44	1121	LUC	457	Thôn Ngọc Khê	
772	Lê Thanh Sơn	44	1173	LUC	317.8	Thôn Ngọc Khê	
773	Phạm Văn Đán	44	1177	LUC	108.2	Thôn Ngọc Khê	
774	Phạm Thị Nha	44	1183	LUC	244.5	Thôn Ngọc Khê	
775	Phạm Văn Mau	44	1243	LUC	628.6	Thôn Ngọc Khê	
776	Lê Văn Tuyển	44	1246	LUC	613.9	Thôn Ngọc Khê	
777	Lê Thị Những	44	1252	LUC	76.4	Thôn Ngọc Khê	
778	Phạm Văn Cương	44	1268	LUC	267.8	Thôn Ngọc Khê	
779	Lê Văn Phúc	44	1294	LUC	641.8	Thôn Ngọc Khê	
780	Phạm Văn Dậu	44	1318	LUC	351.9	Thôn Ngọc Khê	
781	Phạm Hồng Ca	44	1377	LUC	260.8	Thôn Ngọc Khê	
782	Phạm Văn Vạn	44	1384	LUC	263.7	Thôn Ngọc Khê	
783	Lê Văn Vạng	44	1455	LUC	493.5	Thôn Ngọc Khê	
784	Lê Văn Hương	44	1508	LUC	218.5	Thôn Ngọc Khê	
785	Lê Văn Hương	44	1560	LUC	262.4	Thôn Ngọc Khê	
786	Phạm Thị Ha	44	1616	LUC	347.2	Thôn Ngọc Khê	
787	Phạm Thị Mai	44	1653	LUC	290.1	Thôn Ngọc Khê	
788	Phạm Thị Mai	44	1663	LUC	354.8	Thôn Ngọc Khê	
789	Nguyễn Thị Bim	44	1703	LUC	212.8	Thôn Ngọc Khê	
790	Nguyễn Văn Cảnh	44	1721	LUC	376.5	Thôn Ngọc Khê	
791	Phạm Văn Mau	44	1788	LUC	237.6	Thôn Ngọc Khê	
792	Lê Văn Chiên	44	1808	LUC	612.5	Thôn Ngọc Khê	
793	Nguyễn Văn Các	44	1825	LUC	218.4	Thôn Ngọc Khê	
794	Phạm Văn Cương	44	1847	LUC	103.7	Thôn Ngọc Khê	

795	Phạm Văn Lự	44	1860	LUC	221.1	Thôn Ngọc Khê	
796	Lê Văn Chiên	44	1874	LUC	213.6	Thôn Ngọc Khê	
797	Phạm Văn Vạn	44	1883	LUC	73	Thôn Ngọc Khê	
798	Lê Văn Tuyển	44	1884	LUC	90.5	Thôn Ngọc Khê	
799	Phạm Thị Nha	44	1887	LUC	165.1	Thôn Ngọc Khê	
800	Phạm Văn Cương	44	1898	LUC	146.3	Thôn Ngọc Khê	
801	Phạm Văn Cương	44	1901	LUC	92.2	Thôn Ngọc Khê	
802	Lê Văn Chiên	44	1905	LUC	83.1	Thôn Ngọc Khê	
803	Lê Thị Những	44	1907	LUC	211.9	Thôn Ngọc Khê	
804	Phạm Thị Mai	45	11	LUC	306.6	Thôn Ngọc Khê	
805	Lê Văn Phúc	137	39	HNK	213.6	Thôn Ngọc Khê	
806	Lê Văn Tuyển	137	127	HNK	169.7	Thôn Ngọc Khê	
807	Phạm Văn Cương	138	209	CLN	71.1	Thôn Ngọc Khê	
808	Nguyễn Văn Quế	143	120	HNK	691.1	Thôn Ngọc Khê	
809	Lê Văn Bão	143	213	CLN	84.4	Thôn Ngọc Khê	
810	Phạm Văn Lợi	143	248	HNK	324	Thôn Ngọc Khê	

2. Địa bàn xã Kỳ Sơn cũ

TT	Thông tin thửa đất theo BĐDC đo đạc của Dự án Tổng thể					Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
	Tên chủ sử dụng	Tờ bản đồ Mới	Số thửa mới	Loại đất	Diện tích (m2)		
1	NGUYỄN CÔNG THƯƠNG	25	588	CLN	171,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
2	NGUYỄN CÔNG THƯƠNG	25	609	CLN	282,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
3	NGUYỄN CÔNG THƯƠNG	25	812	CLN	927,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
4	NGUYỄN CÔNG THƯƠNG	26	141	LUC	179,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
5	NGUYỄN CÔNG THƯƠNG	26	181	LUC	395,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
6	NGUYỄN VĂN HIỆU	26	147	LUC	282,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
7	NGUYỄN VĂN HIỆU	26	150	LUC	345,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
8	NGUYỄN VĂN HIỆU	92	28	CLN	1010,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
9	NGUYỄN VĂN HIỆU	92	42	CLN	229,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
10	NGUYỄN VĂN HUYNH	25	518	LUC	155,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
11	NGUYỄN VĂN HUYNH	25	680	LUC	364,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
12	NGUYỄN VĂN HUYNH	25	993	LUC	232,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
13	NGUYỄN VĂN HUYNH	25	1059	LUC	246,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
14	NGUYỄN VĂN HUYNH	106	137	CLN	187,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
15	NGUYỄN VĂN TRÚY	25	502	LUC	94,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
16	NGUYỄN VĂN TRÚY	25	974	CLN	160,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
17	NGUYỄN VĂN TRÚY	25	1014	LUC	54,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
18	HOÀNG VĂN HÙNG	25	752	LUC	517,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
19	HOÀNG VĂN HÙNG	25	774	LUC	218,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
20	HOÀNG VĂN HÙNG	25	1023	CLN	271,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
21	HOÀNG VĂN HÙNG	25	1029	CLN	359,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
22	BÙI VĂN LỢI	25	460	LUC	76,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
23	BÙI VĂN LỢI	25	628	LUC	267,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
24	BÙI VĂN LỢI	25	1249	LUC	165,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
25	BÙI VĂN LỢI	106	220	CLN	966,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
26	NGUYỄN VĂN THÚY	25	39	HNK	65,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

27	NGUYỄN VĂN THÚY	25	357	LUC	503,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
28	NGUYỄN VĂN THÚY	25	905	LUC	311,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
29	NGUYỄN VĂN THÚY	26	458	LUC	138,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
30	NGUYỄN VĂN THÚY	26	532	LUC	75,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
31	NGUYỄN VĂN THÚY	26	599	LUC	340,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
32	NGUYỄN VĂN THÚY	26	682	CLN	219,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
33	BÙI VĂN MẢN	26	423	LUC	99,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
34	BÙI VĂN MẢN	26	531	LUC	175,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
35	BÙI VĂN MẢN	26	582	LUC	518,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
36	BÙI VĂN MẢN	26	587	LUC	289,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
37	BÙI VĂN MẢN	26	610	LUC	230,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
38	BÙI VĂN MẢN	107	22	CLN	1439,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
39	ĐẶNG KHẮC MAI	25	847	CLN	1487,0	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
40	ĐẶNG KHẮC MAI	26	260	CLN	700,6	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
41	ĐẶNG KHẮC MAI	26	276	CLN	170,5	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
42	ĐẶNG KHẮC MAI	26	519	LUC	219,8	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
43	BÙI VĂN KÍN	25	807	HNK	177,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
44	BÙI VĂN KÍN	25	843	HNK	426,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
45	BÙI VĂN KÍN	25	852	CLN	819,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
46	BÙI VĂN KÍN	25	859	CLN	254,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
47	BÙI VĂN KÍN	25	892	CLN	646,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
48	BÙI VĂN KÍN	26	302	LUC	749,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
49	BÙI VĂN KÍN	93	128	CLN	172,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
50	VŨ VĂN TẤN	25	55	HNK	67,3	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
51	VŨ VĂN TẤN	26	111	LUC	194,8	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
52	VŨ VĂN TẤN	26	131	LUC	285,3	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
53	VŨ VĂN TẤN	92	63	CLN	248,8	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
54	VŨ VĂN ĐÀI	16	570	HNK	656,09	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
55	VŨ VĂN ĐÀI	16	692	LUC	579,24	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
56	NGUYỄN ĐÌNH DUYÊN	25	986	CLN	239,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
57	BÙI ANH THẮNG	25	1061	LUC	226,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
58	BÙI ANH THẮNG	25	1092	LUC	233	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
59	CHU QUANG HOÀNG	78	75	CLN	350,21	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
60	BÙI VĂN THUYẾT	106	289	CLN	103,7	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
61	ĐỖ VĂN HÒA	25	1504	LUC	41,7	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
62	ĐỖ VĂN HÒA	25	1509	LUC	362,2	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
63	ĐỖ VĂN HÒA	118	55	CLN	330,6	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
64	ĐỖ VĂN HÒA	118	56	CLN	1224,5	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
65	VŨ THỊ MÁI	26	488	LUC	432,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
66	ĐỖ VĂN HÙNG	25	1552	LUC	182,1	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
67	ĐỖ VĂN HÙNG	32	567	HNK	35,7	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
68	NGUYỄN THỊ HUYỀN	25	814	CLN	159,8	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
69	NGUYỄN VĂN DỤNG	92	197	CLN	91,8	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
70	VŨ THỊ THẬP	25	1294	HNK	205,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
71	VŨ THỊ THẬP	25	1390	LUC	230,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
72	VŨ THỊ THẬP	25	1488	LUC	261,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
73	VŨ VĂN HIẾNG	40	124	LUC	86,83	Thôn 3, xã Kỳ Sơn cũ	
74	VŨ VĂN HIẾNG	108	64	LUC	108,5	Thôn 3, xã Kỳ Sơn cũ	

75	ĐỖ THỊ HIỆP	25	1551	LUC	396,6	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
76	BÙI VĂN HOÀ	89	18	CLN	222,1	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
77	NGUYỄN VĂN HẢO	24	83	LUC	260,41	Thôn 2, xã Kỳ Sơn cũ	
78	BÙI VĂN LIÊN	25	282	LUC	300,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
79	BÙI VĂN LIÊN	25	371	HNK	125,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
80	BÙI VĂN LIÊN	25	794	LUC	322,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
81	BÙI VĂN LIÊN	25	1024	LUC	327,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
82	BÙI VĂN LIÊN	25	1275	HNK	329,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
83	BÙI VĂN LIÊN	93	73	CLN	1815,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
84	ĐỖ THỊ NGÀ	25	1159	HNK	192,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
85	NGUYỄN VĂN LỢI	25	306	LUC	151,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
86	NGUYỄN VĂN LỢI	25	864	LUC	258,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
87	NGUYỄN VĂN LỢI	25	891	LUC	512,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
88	NGUYỄN VĂN LỢI	25	907	CLN	352,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
89	NGUYỄN VĂN LỢI	107	39	CLN	3273,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
90	NGUYỄN VĂN QUYẾT	107	10	CLN	1210,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
91	BÙI DUY HOÀNG	75	164	CLN	854,1	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
92	HOÀNG VĂN MẠNH	25	1184	CLN	434,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
93	HOÀNG VĂN MẠNH	25	1429	CLN	125,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
94	NGUYỄN THỊ MƠ	24	255	LUC	453,81	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
95	NGUYỄN THỊ MƠ	25	761	CLN	594,8	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
96	NGUYỄN THỊ MƠ	75	173	CLN	396,2	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
97	ĐÀO VIỆT HÙNG	25	667	LUC	255,0	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
98	ĐÀO VIỆT HÙNG	25	720	LUC	190,7	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
99	BÙI VĂN THÀNH	27	38	CLN	1442,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
100	ĐỖ VĂN KHƯƠNG	25	924	LUC	363,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
101	ĐỖ VĂN KHƯƠNG	106	109	CLN	874,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
102	NGUYỄN VĂN HÀ	26	673	CLN	263,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
103	NGUYỄN VĂN CHUNG	106	280	CLN	217,2	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
104	NGUYỄN THỊ HÀ	25	431	LUC	573,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
105	NGUYỄN THỊ HÀ	92	58	CLN	969,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
106	BÙI THỊ MƠ	25	842	CLN	151,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
107	NGUYỄN VĂN QUANG	106	296	CLN	512,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
108	BÙI VĂN VÂN	107	95	CLN	1239,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
109	NGUYỄN VĂN TIẾN	117	5	CLN	2314,8	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
110	BÙI VĂN HUYỀN	92	61	CLN	292,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
111	ĐỖ VĂN KHÔI	25	1121	LUC	234,5	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
112	ĐỖ VĂN KHÔI	107	62	CLN	275,0	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
113	BÙI THỊ ƯỚC	26	574	LUC	160,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
114	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	26	479	CLN	383,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
115	BÙI VĂN LUÂN	16	668	CLN	267,26	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
116	BÙI VĂN LUÂN	27	440	LUC	505,3	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
117	NGUYỄN VĂN TOÀN	25	259	LUC	521,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
118	NGUYỄN VĂN TOÀN	25	786	LUC	300,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
119	NGUYỄN VĂN TOÀN	106	113	CLN	340,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
120	NGUYỄN VĂN TOÀN	107	69	CLN	1347,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
121	NGUYỄN VĂN TOÀN	24	552	LUC	297,78	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
122	BÙI VĂN THƠI	25	1278	LUC	108,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

123	BÙI VĂN THƠI	26	463	LUC	70,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
124	BÙI VĂN THƠI	26	518	LUC	454,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
125	BÙI VĂN THƠI	107	27	CLN	312,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
126	ĐỖ VĂN NGUYỄN	25	408	LUC	144,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
127	ĐỖ VĂN NGUYỄN	25	799	CLN	161,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
128	ĐỖ VĂN NGUYỄN	25	805	CLN	304,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
129	ĐỖ VĂN QUÂN	26	346	LUC	313,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
130	ĐỖ VĂN QUÂN	26	528	LUC	401,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
131	ĐỖ VĂN QUÂN	107	28	CLN	1405,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
132	BÙI VĂN CƯỜNG	26	543	LUC	305,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
133	BÙI VĂN CƯỜNG	26	757	LUC	248,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
134	BÙI VĂN CƯỜNG	106	51	CLN	580,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
135	MAC THỊ DIỆN	25	477	CLN	108,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
136	MAC THỊ DIỆN	25	791	LUC	253,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
137	MAC THỊ DIỆN	92	205	LUC	158,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
138	MAC THỊ DIỆN	106	13	CLN	527,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
139	MAC THỊ DIỆN	106	43	CLN	310,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
140	NGUYỄN VĂN THẮNG	25	780	LUC	356,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
141	NGUYỄN VĂN THẮNG	25	808	CLN	1253,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
142	NGUYỄN VĂN THẮNG	92	201	CLN	115,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
143	NGUYỄN THỊ NGÀO	25	437	HNK	61,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
144	NGUYỄN THỊ NGÀO	26	344	LUC	57,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
145	NGUYỄN THỊ NGÀO	92	192	LUC	116,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
146	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	25	327	LUC	389,7	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
147	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	25	420	LUC	264,8	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
148	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	32	435	LUC	1303,7	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
149	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	91	305	CLN	448,4	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
150	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	26	548	LUC	207,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
151	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	26	586	LUC	363,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
152	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	107	6	CLN	668,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
153	BÙI VĂN SINH	25	499	CLN	375,0	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
154	BÙI VĂN SINH	25	732	LUC	192,4	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
155	BÙI VĂN SINH	25	831	CLN	138,5	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
156	BÙI VĂN SINH	25	873	CLN	907,6	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
157	BÙI THỊ VÍT	25	262	HNK	65,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
158	BÙI THỊ VÍT	26	495	LUC	147,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
159	BÙI THỊ VÍT	91	73	CLN	358,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
160	BÙI THỊ VÍT	92	38	CLN	1690,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
161	NGÔ VĂN CƯỜNG	25	400	LUC	76,9	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
162	NGÔ VĂN CƯỜNG	26	30	LUC	123,5	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
163	NGUYỄN VĂN MẠNH	92	24	CLN	339,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
164	NGUYỄN VĂN MẠNH	92	67	CLN	136,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
165	BÙI VĂN VÂN	25	530	CLN	144,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
166	BÙI VĂN VÂN	26	280	LUC	275,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
167	BÙI VĂN VÂN	26	453	LUC	131,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
168	BÙI VĂN VÂN	26	460	LUC	182,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
169	BÙI VĂN THUẬN	25	149	CLN	58,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
170	BÙI VĂN THUẬN	25	163	CLN	114,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

171	BÙI VĂN THUẬN	25	414	CLN	623,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
172	BÙI VĂN THUẬN	25	513	LUC	94,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
173	NGUYỄN VĂN KIÊN	26	459	LUC	122,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
174	NGUYỄN VĂN KIÊN	26	501	LUC	281,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
175	NGUYỄN VĂN KIÊN	92	189	HNK	162,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
176	NGUYỄN DUY ĐẠI	26	567	CLN	899,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
177	NGUYỄN DUY ĐẠI	91	297	CLN	341,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
178	NGUYỄN DUY ĐẠI	92	168	CLN	520,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
179	TRẦN VĂN HỢP	26	491	CLN	407,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
180	TRẦN VĂN HỢP	92	125	CLN	443,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
181	TRẦN VĂN HỢP	92	158	CLN	134,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
182	ĐỖ THỊ THU	25	824	LUC	547,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
183	ĐỖ THỊ THU	25	869	LUC	151,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
184	NGUYỄN THỊ NHẸ	17	17	CLN	466,12	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
185	NGUYỄN THỊ NHẸ	25	827	LUC	445,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
186	NGUYỄN THỊ NHẸ	106	250	CLN	593,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
187	NGUYỄN VĂN PHÍ	26	595	LUC	222,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
188	NGUYỄN VĂN PHÍ	26	617	LUC	217,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
189	NGUYỄN VĂN PHÍ	26	644	CLN	447,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
190	NGUYỄN VĂN THOAN	25	782	LUC	550,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
191	NGUYỄN VĂN THOAN	26	670	CLN	1203,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
192	NGUYỄN VĂN THOAN	27	232	CLN	302,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
193	ĐỖ VĂN REO	25	566	CLN	428,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
194	ĐỖ VĂN REO	25	723	LUC	307,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
195	ĐỖ VĂN REO	26	173	LUC	256,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
196	ĐỖ VĂN THANH	25	29	HNK	165,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
197	ĐỖ VĂN THANH	25	909	LUC	826,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
198	ĐỖ VĂN THANH	25	921	LUC	469,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
199	ĐỖ VĂN THANH	107	173	CLN	859,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
200	BÙI VĂN XÚNG	26	389	LUC	31,1	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
201	BÙI VĂN XÚNG	107	74	CLN	2408,2	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
202	BÙI VĂN KIÊN	26	48	LUC	361,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
203	BÙI VĂN TIỆN	25	435	LUC	130,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
204	BÙI VĂN TIỆN	25	1165	CLN	266,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
205	BÙI VĂN CÔNG	24	565	CLN	703,76	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
206	BÙI VĂN CÔNG	24	377	LUC	177,82	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
207	BÙI VĂN CÔNG	24	443	LUC	310,48	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
208	ĐỖ VĂN CƯỜNG	26	18	LUC	150,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
209	ĐỖ VĂN CƯỜNG	26	97	LUC	281,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
210	TRẦN VĂN THƯỜNG	26	692	CLN	90,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
211	TRẦN VĂN THƯỜNG	107	40	CLN	2577,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
212	TRẦN VĂN THƯỜNG	107	68	CLN	344,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
213	TRẦN VĂN THƯỜNG	107	80	CLN	1313,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
214	BÙI VĂN TƯ	25	1176	LUC	197,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
215	BÙI VĂN TƯ	25	1208	LUC	459,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
216	BÙI VĂN TƯ	25	1244	LUC	361,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
217	BÙI VĂN TƯ	106	242	LUC	506,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
218	ĐẶNG THỊ HUỆ	25	433	LUC	260,6	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	

219	ĐẶNG THỊ HUỆ	25	850	LUC	581,9	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
220	ĐỖ VĂN THÀNH	26	478	LUC	295,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
221	BÙI HỮU THỎA	26	755	CLN	320,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
222	BÙI HỮU THỎA	26	944	LUC	445,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
223	ĐỒNG THỊ TƯƠI	32	547	LUC	534,0	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
224	BÙI HỮU BA	26	727	CLN	644,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
225	BÙI HỮU BA	26	735	LUC	326,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
226	BÙI THỊ KIM	107	93	CLN	1405,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
227	NGUYỄN CÔNG ĐIỀN	26	645	CLN	1497,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
228	NGUYỄN THỊ Ý	25	1018	LUC	303,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
229	NGUYỄN VĂN DUY	25	385	LUC	228,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
230	BÙI THỊ GIANG	25	292	LUC	238,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
231	NGUYỄN VĂN PHÌNH	26	134	LUC	147,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
232	NGUYỄN VĂN PHÌNH	92	199	HNK	175,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
233	BÙI THỊ DUNG	25	409	LUC	101,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
234	BÙI VĂN HƯỜNG	26	487	LUC	627,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
235	BÙI DUY ĐỊNH	26	234	LUC	488,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
236	BÙI DUY ĐỊNH	92	144	CLN	1000,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
237	BÙI VĂN BÌNH	25	360	LUC	341,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
238	BÙI VĂN BÌNH	25	388	LUC	416,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
239	NGUYỄN THỊ MINH TUYẾT	26	49	LUC	202,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
240	NGUYỄN VĂN SƠN	25	1011	CLN	224,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
241	NGUYỄN VĂN SƠN	92	17	CLN	310,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
242	BÙI VĂN VƯỢNG	26	318	LUC	480,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
243	BÙI VĂN TUYẾN	107	175	CLN	302,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
244	NGUYỄN VĂN THU	25	889	LUC	1123,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
245	BÙI VĂN KHÂU	26	332	LUC	378,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
246	BÙI VĂN KHÂU	92	208	CLN	180,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
247	NGUYỄN THỊ THE	106	297	CLN	250,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
248	PHẠM THỊ MINH	106	281	CLN	215,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
249	NGUYỄN VĂN CẢNH	25	150	LUC	236,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
250	NGUYỄN VĂN CẢNH	92	110	CLN	221,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
251	TRẦN THỊ TUYẾT	25	1046	LUC	281,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
252	LÊ THỊ ĐẠO	91	219	CLN	1947,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
253	PHẠM THỊ LOAN	92	8	CLN	1217,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
254	ĐỖ VĂN QUÂN	26	800	LUC	576,0	Thôn 3, xã Kỳ Sơn cũ	
255	PHẠM THỊ LOAN	92	45	CLN	866,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
256	NGUYỄN THỊ HIỀN	26	250	LUC	132,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
257	VŨ THỊ THANH	26	207	LUC	272,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
258	VŨ THỊ THANH	107	103	CLN	539,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
259	BÙI VĂN NGÀ	24	95	LUC	215,5	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
260	BÙI VĂN NGÀ	24	105	LUC	221,36	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
261	BÙI VĂN NGÀ	25	264	LUC	147,0	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
262	BÙI QUANG TUẤN	25	1227	CLN	515,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
263	BÙI QUANG TUẤN	26	138	LUC	774,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
264	ĐỖ VĂN QUÂN	33	435	CLN	756,8	Thôn 3, xã Kỳ Sơn cũ	
265	ĐỖ VĂN QUÂN	130	174	CLN	423,5	Thôn 3, xã Kỳ Sơn cũ	
266	NGUYỄN THỊ HUY	107	4	CLN	154,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

267	NGUYỄN DUY CƯỜNG	26	98	LUC	75,4	Khu 4-Đông Triều- Quảng Ninh	
268	BÙI THỊ BÌNH	25	467	LUC	38,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
269	ĐỖ VĂN NĂM	25	51	CLN	507,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
270	ĐỖ VĂN NĂM	77	87	CLN	480,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
271	BÙI VĂN TRAI	26	706	CLN	1177,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
272	BÙI VĂN TRAI	107	53	CLN	804,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
273	BÙI VĂN THƯỜNG	106	198	LUC	446,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
274	BÙI VĂN THẢO	25	505	LUC	76,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
275	BÙI VĂN THẢO	25	515	LUC	142,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
276	BÙI VĂN ẮT	107	176	CLN	188,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
277	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	27	79	CLN	1354,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
278	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	27	288	CLN	907,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
279	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	95	35	CLN	184,14	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
280	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	95	36	CLN	355,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
281	LẠI VĂN HUNG	27	314	CLN	1037,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
282	LẠI VĂN HUNG	27	341	LUC	831,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
283	LẠI VĂN HUNG	27	348	LUC	156,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
284	NGUYỄN HỒNG SÁNG	26	6	LUC	195,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
285	NGUYỄN HỒNG SÁNG	93	171	CLN	955,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
286	NGUYỄN ĐÌNH HƯỚNG	26	118	LUC	277,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
287	NGUYỄN ĐÌNH HƯỚNG	93	137	CLN	767,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
288	PHẠM VĂN VƯƠNG	26	654	CLN	351,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
289	NGUYỄN ANH TUẤN	93	117	CLN	577,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
290	BÙI THỊ SÁ	26	71	CLN	325,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
291	BÙI THỊ SÁ	26	342	LUC	217,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
292	BÙI THỊ SÁ	26	505	LUC	72,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
293	BÙI THỊ SÁ	26	516	LUC	64,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
294	BÙI THỊ SÁ	79	29	CLN	973,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
295	BÙI THỊ SÁ	79	30	CLN	109,87	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
296	BÙI THỊ SÁ	79	31	CLN	581,61	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
297	BÙI VĂN CÁT	27	65	CLN	1119,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
298	BÙI VĂN CÁT	94	78	CLN	278,36	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
299	BÙI VĂN CÁT	94	161	CLN	859,49	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
300	NGUYỄN VĂN SAO	25	451	LUC	81,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
301	NGUYỄN VĂN SAO	26	9	CLN	366,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
302	NGUYỄN VĂN SAO	26	44	LUC	28,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
303	NGUYỄN VĂN SAO	26	263	LUC	137,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
304	NGUYỄN VĂN SAO	26	402	LUC	209,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
305	NGUYỄN VĂN SAO	93	53	CLN	481,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
306	NGUYỄN VĂN SAO	93	173	CLN	317,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
307	BÙI THỊ MUÔN	27	217	CLN	526,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
308	BÙI VĂN DIỄN	26	359	LUC	161,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
309	BÙI VĂN DIỄN	26	527	LUC	1006,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
310	BÙI VĂN DIỄN	26	568	CLN	1210,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
311	BÙI VĂN DIỄN	26	633	CLN	340,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
312	BÙI VĂN DIỄN	27	209	CLN	522,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
313	BÙI VĂN DIỄN	108	11	CLN	875,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	

314	BÙI VĂN BIÊN	27	257	NTS	408,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
315	BÙI VĂN BIÊN	108	34	LUC	181,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
316	NGUYỄN THỊ NGÀ	27	213	CLN	224,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
317	NGUYỄN THẾ VĂN	25	888	CLN	155,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
318	NGUYỄN THẾ VĂN	25	926	LUC	310,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
319	NGUYỄN THẾ VĂN	26	585	CLN	384,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
320	NGUYỄN THẾ VĂN	93	18	CLN	285,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
321	NGUYỄN THẾ VĂN	94	139	CLN	542,44	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
322	NGUYỄN THẾ VĂN	94	140	CLN	150,97	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
323	NGUYỄN VĂN HÙNG	19	149	CLN	335,29	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
324	NGUYỄN VĂN HÙNG	94	167	CLN	980,36	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
325	NGUYỄN VĂN BẢO	27	66	CLN	845,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
326	NGUYỄN VĂN BẢO	95	33	CLN	222,09	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
327	NGUYỄN VĂN BẢO	95	34	CLN	1293,56	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
328	BÙI CÔNG THÀNH	25	318	LUC	316,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
329	BÙI CÔNG THÀNH	25	361	LUC	300,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
330	BÙI CÔNG THÀNH	93	123	CLN	234,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
331	BÙI CÔNG THÀNH	93	134	CLN	571,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
332	BÙI CÔNG THÀNH	93	149	CLN	357,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
333	BÙI CÔNG THÀNH	93	195	CLN	968,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
334	BÙI CÔNG THÀNH	108	31	LUC	157,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
335	BÙI QUANG TRUNG	19	154	CLN	2574,38	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
336	BÙI QUANG TRUNG	19	157	NTS	2629,02	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
337	BÙI QUANG TRUNG	93	61	CLN	455,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
338	BÙI QUANG TRUNG	93	180	CLN	265,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
339	BÙI VĂN DƯỠNG	27	207	CLN	333,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
340	BÙI VĂN DƯỠNG	27	253	CLN	1010,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
341	BÙI VĂN DƯỠNG	109	10	CLN	841,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
342	BÙI VĂN DƯỠNG	109	27	CLN	375,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
343	BÙI VĂN THỊNH	26	370	LUC	246,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
344	BÙI VĂN THỊNH	26	511	LUC	338,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
345	LÊ THỊ HUỆ	27	116	CLN	937,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
346	LÊ THỊ HUỆ	94	170	CLN	292,61	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
347	LÊ THỊ HUỆ	94	171	CLN	106,34	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
348	NGUYỄN THỊ HẬU	25	777	LUC	328,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
349	NGUYỄN THỊ HẬU	25	1273	LUC	175,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
350	NGUYỄN THỊ HẬU	25	1362	CLN	1138,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
351	NGUYỄN THỊ HẬU	25	1416	CLN	117,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
352	NGUYỄN THỊ HẬU	25	1489	LUC	592,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
353	NGÔ VĂN HUẤN	26	372	LUC	743,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
354	NGÔ VĂN HUẤN	93	80	CLN	461,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
355	BÙI VĂN HÁN	27	11	CLN	1589,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
356	BÙI VĂN HÁN	27	26	CLN	900,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
357	BÙI VĂN HÁN	94	126	CLN	528,79	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
358	BÙI VĂN YÊN	25	1537	LUC	644,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
359	BÙI VĂN YÊN	94	117	CLN	1462,38	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
360	BÙI VĂN YÊN	94	147	CLN	638,28	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
361	BÙI VĂN CHUNG	27	129	CLN	308,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	

362	BÙI VĂN CHUNG	27	138	CLN	2738,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
363	BÙI VĂN CHUNG	27	351	LUC	140,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
364	BÙI VĂN LIỆU	25	471	CLN	157,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
365	BÙI VĂN LIỆU	25	903	LUC	305,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
366	BÙI VĂN LIỆU	27	40	CLN	1024,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
367	BÙI VĂN LIỆU	27	44	CLN	1708,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
368	BÙI VĂN LIỆU	94	56	CLN	440,92	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
369	BÙI VĂN LIỆU	94	151	CLN	227,51	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
370	BÙI VĂN DÂN	25	607	LUC	175,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
371	BÙI VĂN DÂN	25	630	LUC	157,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
372	BÙI VĂN DÂN	26	79	LUC	98,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
373	BÙI VĂN DÂN	26	369	LUC	250,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
374	ĐỖ THỊ BÚT	27	76	CLN	1390,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
375	ĐỖ THỊ BÚT	27	100	CLN	1810,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
376	ĐỖ THỊ BÚT	27	397	LUC	587,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
377	ĐỖ THỊ BÚT	95	18	CLN	775,75	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
378	ĐỖ THỊ BÚT	95	41	CLN	208,88	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
379	BÙI VĂN ÂN	25	796	HNK	292,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
380	BÙI VĂN ÂN	25	871	HNK	134,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
381	BÙI VĂN ÂN	93	189	CLN	1280,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
382	BÙI VĂN ÂN	93	190	CLN	67,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
383	BÙI QUANG THỊNH	25	882	LUC	264,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
384	BÙI QUANG THỊNH	93	157	CLN	417,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
385	ĐỖ VĂN TUÂN	25	398	LUC	209,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
386	ĐỖ VĂN TUÂN	26	539	LUC	240,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
387	ĐỖ VĂN TUÂN	27	2	CLN	457,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
388	ĐỖ VĂN TUÂN	94	150	CLN	485,53	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
389	ĐỖ THỊ GÁI	25	1057	LUC	425,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
390	ĐỖ THỊ GÁI	26	89	LUC	725,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
391	ĐỖ THỊ GÁI	108	42	CLN	220,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
392	BÙI VĂN VÂN	19	145	CLN	317,51	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
393	BÙI VĂN VÂN	26	1	LUC	400,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
394	BÙI VĂN VÂN	26	5	LUC	337,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
395	BÙI VĂN VÂN	26	242	LUC	385,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
396	BÙI VĂN VÂN	79	35	CLN	452,18	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
397	PHẠM VĂN QUYNH	27	82	CLN	728,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
398	PHẠM VĂN QUYNH	27	95	CLN	202,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
399	PHẠM VĂN QUYNH	27	115	CLN	682,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
400	PHẠM VĂN QUYNH	95	7	CLN	628,81	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
401	PHẠM VĂN QUYNH	95	30	CLN	171,46	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
402	NGUYỄN THỊ LỢ	27	67	CLN	414,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
403	NGUYỄN THỊ LỢ	27	68	CLN	654,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
404	BÙI VĂN CÔNG	94	131	CLN	965,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
405	ĐỖ VĂN DŨNG	27	333	CLN	1276,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
406	NGUYỄN VĂN HUỐNG	27	124	CLN	1697,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
407	NGUYỄN VĂN HUỐNG	94	43	CLN	696,88	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
408	NGUYỄN VĂN MỞ	27	50	LUC	1206,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
409	ĐỖ THỊ TƯƠI	91	277	CLN	448,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	

410	ĐỖ THỊ TƯƠI	94	72	CLN	711,07	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
411	ĐỖ THỊ DUYỀN	27	342	CLN	765,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
412	ĐỖ VĂN TRUNG	24	20	LUC	164,51	Thôn 4, xã Kỳ Sơn cũ	
413	ĐỖ VĂN TRUNG	33	75	CLN	620,8	Thôn 4, xã Kỳ Sơn cũ	
414	NGUYỄN VĂN TUYẾN	26	74	CLN	787,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
415	NGUYỄN VĂN TUYẾN	93	85	CLN	296,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
416	NGUYỄN VĂN VŨ	27	42	CLN	3140,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
417	NGUYỄN VĂN MẠNH	19	150	CLN	340,11	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
418	NGUYỄN VĂN CỌN	19	160	CLN	649,13	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
419	ĐINH VĂN HUYỀN	27	141	CLN	456,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
420	ĐỖ VĂN PHONG	27	77	CLN	215,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
421	ĐỖ ĐỨC BA	27	154	CLN	896,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
422	PHẠM VĂN CÀI	27	420	CLN	2132,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
423	ĐỖ THỊ LIỆP	27	6	CLN	3889,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
424	ĐỖ THỊ LIỆP	27	39	CLN	279,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
425	ĐỖ THỊ LIỆP	27	92	CLN	1361,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
426	LẠI THỊ GÁI	27	334	CLN	325,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
427	LẠI THỊ HIỀN	27	335	CLN	310,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
428	BÙI THỊ THUỶ	27	13	CLN	378,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
429	BÙI VĂN THÂM	27	53	CLN	287,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
430	BÙI VĂN THÂM	94	124	CLN	201,46	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
431	BÙI XUÂN CHIẾN	25	851	CLN	413,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
432	ĐỖ VĂN ĐẠM	27	70	CLN	3265,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
433	NGUYỄN THỊ HUỆ	27	7	CLN	849,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
434	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	19	166	CLN	1430,46	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
435	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	27	9	CLN	1633,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
436	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	27	41	CLN	4588,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
437	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	27	52	CLN	249,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
438	NGUYỄN VĂN CẠN	27	236	CLN	2002,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
439	NGUYỄN VĂN CẠN	27	244	CLN	154,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
440	NGUYỄN VĂN CẠN	34	127	LUC	424,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
441	NGUYỄN VĂN BÚP	93	102	CLN	580,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
442	NGUYỄN THỊ THÀNH	25	629	LUC	110,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
443	NGUYỄN VĂN CỌ	25	650	LUC	143,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
444	NGUYỄN VĂN CỌ	26	22	LUC	428,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
445	NGUYỄN VĂN CỌ	26	440	LUC	175,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
446	NGUYỄN VĂN CỌ	108	22	LUC	445,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
447	NGUYỄN VĂN CỌ	108	40	LUC	97,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
448	NGUYỄN VĂN CỌ	108	128	CLN	1538,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
449	ĐỖ VĂN THÌN	27	186	CLN	1455,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
450	ĐỖ VĂN THÌN	27	193	CLN	175,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
451	ĐỖ VĂN THÌN	27	398	LUC	581,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
452	ĐỖ VĂN THÌN	34	304	LUC	76,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
453	NGUYỄN VĂN MẠNH	27	259	CLN	169,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
454	NGUYỄN VĂN MẠNH	133	255	CLN	251,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
455	NGUYỄN VĂN HƠN	27	267	CLN	1034,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
456	BÙI VĂN CỬ	26	295	CLN	74,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
457	BÙI VĂN CỬ	26	349	LUC	541,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	

458	BÙI VĂN CỬ	26	421	LUC	109,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
459	BÙI VĂN CỬ	26	443	CLN	1220,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
460	BÙI VĂN CỬ	26	680	LUC	208,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
461	BÙI VĂN LONG	25	973	CLN	154,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
462	BÙI VĂN LONG	26	607	CLN	1591,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
463	BÙI VĂN LONG	26	668	CLN	2394,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
464	BÙI VĂN LONG	76	258	CLN	128,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
465	BÙI VĂN THẮNG	25	1183	LUC	230,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
466	BÙI VĂN THẮNG	93	69	CLN	353,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
467	BÙI VĂN QUYẾT	27	199	CLN	452,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
468	NGUYỄN VĂN TẤN	27	91	CLN	630,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
469	NGUYỄN VĂN TẤN	27	119	CLN	673,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
470	ĐỖ VĂN LINH	27	143	CLN	1555,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
471	BÙI HỒNG SƠN	26	14	CLN	288,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
472	BÙI HỒNG SƠN	26	77	LUC	288,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
473	BÙI HỒNG SƠN	26	169	LUC	226,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
474	BÙI HỒNG SƠN	93	187	CLN	737,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
475	NGUYỄN THẾ HÙNG	26	449	CLN	404,8	Thôn 2, xã Kỳ Sơn cũ	
476	NGUYỄN THẾ HÙNG	132	170	CLN	786,2	Thôn 2, xã Kỳ Sơn cũ	
477	NGUYỄN VĂN HUÂN	26	700	CLN	1658,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
478	BÙI THỊ HOÀI	26	676	CLN	1494,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
479	BÙI VĂN HẠNH	108	24	CLN	501,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
480	BÙI VĂN HẠNH	108	30	CLN	241,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
481	HOÀNG THỊ LÂN	26	900	LUC	537,6	Thôn 3, xã Kỳ Sơn cũ	
482	HOÀNG THỊ LÂN	119	58	CLN	1258,0	Thôn 3, xã Kỳ Sơn cũ	
483	BÙI VĂN KHÁNG	19	159	CLN	2800,15	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
484	BÙI VĂN KHÁNG	94	127	CLN	251,39	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
485	NGUYỄN VĂN NHÂN	27	58	CLN	2610,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
486	NGUYỄN VĂN NHÂN	94	61	CLN	472,98	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
487	NGUYỄN VĂN NHÂN	94	114	CLN	193,61	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
488	BÙI VĂN THIÊN	19	163	CLN	876,47	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
489	BÙI VĂN THIÊN	27	51	CLN	1832,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
490	BÙI VĂN THIÊN	27	55	CLN	1670,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
491	BÙI VĂN THIÊN	94	64	CLN	785,48	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
492	BÙI VĂN THIÊN	94	110	CLN	172,01	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
493	NGUYỄN VĂN BIÊN	26	352	LUC	137,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
494	NGUYỄN VĂN BIÊN	26	603	LUC	99,2	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
495	NGUYỄN VĂN BIÊN	27	46	CLN	846,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
496	NGUYỄN VĂN BIÊN	27	48	CLN	375,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
497	NGUYỄN VĂN BIÊN	94	55	CLN	502,93	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
498	BÙI VĂN TUẤN	26	629	CLN	576,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
499	BÙI VĂN TUẤN	94	51	CLN	753,61	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
500	BÙI VĂN LỘC	26	646	LUC	289,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
501	BÙI VĂN LỘC	27	10	CLN	1032,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
502	ĐỖ VĂN HÙNG	94	24	CLN	118,51	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
503	NGUYỄN VĂN SINH	27	94	CLN	1100,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
504	NGUYỄN VĂN SINH	95	39	CLN	73,19	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
505	NGUYỄN VĂN SINH	95	40	CLN	140,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	

506	NGUYỄN VĂN THẠCH	27	179	CLN	91,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
507	NGUYỄN VĂN THẠCH	27	214	CLN	302,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
508	NGUYỄN VĂN THẠCH	27	387	CLN	2000,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
509	NGUYỄN VĂN THẠCH	95	37	CLN	94,45	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
510	NGUYỄN VĂN THẠCH	95	38	CLN	232,64	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
511	NGUYỄN XUÂN HẢI	27	106	CLN	2579,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
512	NGUYỄN XUÂN HẢI	34	37	LUC	172,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
513	NGUYỄN XUÂN HẢI	34	213	LUC	978,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
514	NGUYỄN XUÂN HẢI	95	6	CLN	771,42	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
515	NGUYỄN XUÂN HẢI	95	28	CLN	399,16	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
516	NGUYỄN XUÂN HẢI	95	29	CLN	771,81	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
517	NGUYỄN VĂN CUÔNG	95	20	CLN	809,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
518	BÙI VĂN TRUNG	26	2	CLN	1245,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
519	BÙI VĂN TRUNG	27	5	CLN	2006,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
520	BÙI VĂN TRUNG	27	22	CLN	3376,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
521	BÙI VĂN TRUNG	93	33	CLN	491,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
522	BÙI VĂN NGÀNH	25	353	HNK	205,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
523	NGUYỄN VĂN NHANH	19	162	CLN	2897,08	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
524	NGUYỄN VĂN HẠ	27	133	LUC	155,6	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
525	ĐẶNG VĂN YÊN	26	57	LUC	724,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
526	ĐẶNG VĂN YÊN	26	110	LUC	195,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
527	ĐẶNG VĂN YÊN	93	9	CLN	992,8	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
528	BÙI THỊ HẠNH	25	1032	CLN	189,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
529	BÙI THỊ HẠNH	25	1075	LUC	209,9	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
530	BÙI THỊ HẠNH	25	1081	LUC	105,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
531	BÙI THỊ HẠNH	27	49	CLN	1543,3	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
532	ĐỖ THỊ NHƯNG	27	225	LUC	277,4	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
533	ĐỖ THỊ NHƯNG	34	133	LUC	388,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
534	NGUYỄN VĂN VINH	26	397	CLN	1605,7	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
535	NGUYỄN VĂN VINH	26	499	CLN	1276,6	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
536	NGUYỄN VĂN VINH	26	628	CLN	790,1	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
537	NGUYỄN VĂN VINH	93	146	CLN	71,0	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
538	NGUYỄN VĂN VINH	93	155	CLN	1308,5	Thôn 1, xã Kỳ Sơn cũ	
539	NGUYỄN THỊ MẾN	25	1060	LUC	149,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
540	NGUYỄN THỊ MẾN	25	1144	LUC	387,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
541	NGUYỄN THỊ MẾN	25	1550	HNK	116,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
542	ĐỖ VĂN TUẤN	25	1207	LUC	126,8	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
543	ĐỖ VĂN TUẤN	32	177	HNK	64,4	Thôn 6, xã Kỳ Sơn cũ	
544	BÙI VĂN THU	106	231	CLN	584,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
545	TRẦN VĂN HOÀ	26	87	LUC	100,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
546	TRẦN VĂN HOÀ	26	99	LUC	627,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
547	TRẦN VĂN HOÀ	26	601	LUC	339,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
548	TRẦN VĂN HOÀ	78	11	CLN	2582,28	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
549	TRẦN VĂN HOÀ	106	120	CLN	811,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
550	TRẦN VĂN HOÀ	107	58	CLN	254,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
551	TRẦN VĂN HOÀ	107	70	CLN	939,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
552	TRẦN VĂN HOÀ	26	536	LUC	337,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
553	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	26	639	LUC	221,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

554	ĐỖ MẠNH QUANG	25	177	HNK	97,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
555	ĐỖ MẠNH QUANG	25	209	CLN	130,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
556	ĐỖ MẠNH QUANG	25	820	CLN	314,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
557	ĐỖ MẠNH QUANG	25	896	CLN	89,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
558	ĐỖ MẠNH QUANG	91	35	CLN	190,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
559	BÙI VĂN KHUÊ	26	185	LUC	148,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
560	BÙI VĂN KHUÊ	26	399	LUC	52,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
561	BÙI VĂN KHUÊ	26	631	CLN	395,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
562	BÙI THỊ MINH	25	1178	CLN	925,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
563	BÙI THỊ MINH	92	36	CLN	713,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
564	BÙI HỮU LỢI	26	275	LUC	63,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
565	BÙI HỮU LỢI	26	736	CLN	58,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
566	BÙI VĂN SỸ	25	207	HNK	194,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
567	BÙI VĂN SỸ	25	287	HNK	68,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
568	BÙI VĂN SỸ	25	529	CLN	220,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
569	BÙI VĂN SỸ	26	540	LUC	409,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
570	NGUYỄN VĂN GIANG	26	650	CLN	1265,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
571	BÙI VĂN DUY	24	553	LUC	272,36	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
572	BÙI VĂN DUY	92	180	CLN	309,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
573	BÙI CAO THẮNG	25	969	LUC	495,9	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
574	NGUYỄN VĂN HOÀN	25	912	LUC	451,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
575	NGUYỄN VĂN HOÀN	25	929	LUC	355,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
576	BÙI VĂN LINH	91	30	CLN	174,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
577	BÙI VĂN LINH	78	84	CLN	581,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
578	BÙI VĂN LINH	78	77	CLN	1081,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
579	BÙI VĂN LINH	25	166	CLN	54,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
580	BÙI VĂN LINH	24	222	LUC	487,93	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
581	BÙI VĂN KHOAI	92	22	CLN	551,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
582	BÙI VĂN TẢO	25	614	CLN	318,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
583	BÙI VĂN TẢO	25	950	CLN	683,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
584	NGUYỄN THỊ THUÝ	92	13	CLN	271,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
585	NGUYỄN VĂN HUY	27	168	CLN	1023,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
586	NGUYỄN VĂN HẢI	26	52	LUC	509,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
587	NGUYỄN VĂN HẢI	26	108	LUC	231,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
588	BÙI THỊ CHUÔI	26	546	LUC	544,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
589	BÙI THỊ CHUÔI	26	923	LUC	123,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
590	BÙI THỊ CHUÔI	106	271	CLN	714,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
591	BÙI THỊ CHUÔI	107	144	CLN	327,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
592	ĐỖ HỮU TRUNG	16	559	CLN	419,23	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
593	ĐỖ HỮU TRUNG	16	616	CLN	141,69	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
594	ĐỖ HỮU TRUNG	75	69	CLN	1209,8	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
595	ĐỖ HỮU TRUNG	75	151	HNK	428,3	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
596	ĐỖ HỮU TRUNG	75	271	CLN	82,3	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
597	TRẦN VĂN DƯƠNG	17	259	CLN	288,55	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
598	TRẦN VĂN DƯƠNG	26	419	LUC	119,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
599	BÙI VĂN THÀNH	25	534	CLN	254,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
600	BÙI VĂN THÀNH	26	390	LUC	64,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
601	BÙI VĂN THÀNH	92	193	CLN	1273,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

602	BÙI VĂN THÀNH	92	202	LUC	182,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
603	BÙI VĂN THÀNH	92	204	LUC	131,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
604	VŨ THỊ LÂM	25	158	LUC	145,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
605	VŨ THỊ LÂM	92	107	CLN	136,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
606	NGUYỄN VĂN THẮNG	16	479	CLN	1242,85	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
607	NGUYỄN VĂN THẮNG	24	614	LUC	457,98	Thôn 9, xã Kỳ Sơn cũ	
608	TRỊNH THỊ SẮC	25	1155	LUC	225,2	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
609	NGUYỄN VĂN XÒA	26	255	LUC	154,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
610	NGUYỄN VĂN XÒA	26	338	LUC	410,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
611	NGUYỄN VĂN XÒA	26	425	LUC	124,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
612	NGUYỄN THỊ ĐÌNH	107	99	CLN	743,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
613	BÙI VĂN HỮU	25	932	LUC	347,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
614	BÙI VĂN HỮU	25	947	LUC	600,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
615	BÙI VĂN HỮU	107	54	CLN	129,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
616	BÙI VĂN HỮU	107	82	CLN	2232,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
617	NGUYỄN THỊ NHÂN	25	326	LUC	270,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
618	NGUYỄN THỊ NHÂN	25	436	LUC	115,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
619	NGUYỄN THỊ NHÂN	25	983	CLN	643,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
620	NGUYỄN THỊ NHÂN	91	138	CLN	262,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
621	BÙI ĐỨC DỤC	25	7	LUC	80,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
622	BÙI ĐỨC DỤC	25	919	LUC	493,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
623	BÙI ĐỨC DỤC	25	1015	CLN	177,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
624	BÙI ĐỨC DỤC	26	105	LUC	111,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
625	BÙI ĐỨC DỤC	26	269	LUC	534,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
626	BÙI ĐỨC DỤC	26	285	LUC	38,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
627	BÙI ĐỨC DỤC	26	643	LUC	98,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
628	HOÀNG VĂN PHONG	25	642	LUC	302,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
629	HOÀNG VĂN PHONG	25	901	CLN	279,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
630	HOÀNG VĂN PHONG	26	51	LUC	177,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
631	HOÀNG VĂN PHONG	26	202	LUC	346,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
632	HOÀNG VĂN PHONG	26	357	LUC	279,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
633	HOÀNG VĂN PHONG	26	683	CLN	624,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
634	HOÀNG VĂN PHONG	27	242	CLN	1362,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
635	HOÀNG VĂN PHONG	78	58	CLN	3243,87	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
636	HOÀNG VĂN PHONG	78	78	CLN	255,69	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
637	BÙI VĂN LONG	25	927	LUC	140,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
638	BÙI TIẾN DŨNG	25	146	LUC	360,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
639	BÙI TIẾN DŨNG	25	940	CLN	631,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
640	BÙI TIẾN DŨNG	25	968	LUC	650,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
641	NGUYỄN THỊ HÍCH	25	757	LUC	541,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
642	NGUYỄN THỊ HÍCH	106	86	CLN	358,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
643	BÙI THỊ NGÂN	106	279	CLN	118,7	Thôn 5, xã Kỳ Sơn cũ	
644	BÙI THỊ LOAN	25	886	LUC	293,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
645	NGUYỄN VĂN THẠO	25	1166	LUC	364,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
646	NGUYỄN VĂN THẠO	25	1190	LUC	160,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
647	NGUYỄN VĂN THUẬN	26	581	LUC	372,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
648	NGUYỄN VĂN THUẬN	26	641	CLN	413,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
649	NGUYỄN VĂN THUẬN	26	661	CLN	577,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

650	NGUYỄN VĂN THUẬN	26	681	CLN	613,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
651	HOÀNG VĂN DŨNG	78	51	CLN	5385,62	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
652	HOÀNG VĂN THẮNG	78	20	CLN	4535,73	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
653	HOÀNG VĂN THẮNG	78	36	CLN	2572,66	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
654	HOÀNG ĐỨC TƯ	24	27	LUC	664,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
655	HOÀNG ĐỨC TƯ	26	54	LUC	165,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
656	HOÀNG ĐỨC TƯ	26	277	LUC	57,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
657	HOÀNG ĐỨC TƯ	78	1	CLN	10350,0 5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
658	HOÀNG ĐỨC TƯ	78	13	CLN	21185,9 3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
659	NGUYỄN THỊ TUNG	106	238	CLN	669,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
660	NGUYỄN VĂN MINH	25	1309	HNK	61,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
661	NGUYỄN VĂN LINH	25	962	CLN	548,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
662	NGUYỄN VĂN NHÁ	26	407	LUC	267,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
663	NGUYỄN VĂN NHÁ	26	448	LUC	87,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
664	NGUYỄN VĂN NHÁ	26	534	LUC	266,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
665	NGUYỄN VĂN NHÁ	41	62	LUC	410,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
666	NGUYỄN VĂN NHÁ	41	83	LUC	79,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
667	BÙI VĂN LOAN	26	129	LUC	98,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
668	NGUYỄN THANH TÙNG	41	141	CLN	755,8	Thôn 2, xã Kỳ Sơn cũ	
669	BÙI VĂN RỪA	25	37	HNK	130,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
670	BÙI VĂN RỪA	26	72	LUC	271,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
671	BÙI VĂN TẮM	25	335	LUC	373,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
672	BÙI VĂN TẮM	26	588	LUC	308,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
673	ĐỖ THỊ SINH	26	679	CLN	443,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
674	NGUYỄN VĂN ĐẠO	92	200	CLN	80,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
675	NGUYỄN THỊ LÀN	25	319	HNK	150,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
676	NGUYỄN THỊ LÀN	25	845	CLN	145,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
677	NGUYỄN THỊ LÀN	25	977	CLN	160,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
678	NGUYỄN THỊ HẬU	26	252	LUC	23,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
679	NGUYỄN THỊ HẬU	26	517	LUC	556,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
680	NGUYỄN VĂN NĂM	25	211	LUC	326,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
681	NGUYỄN VĂN NĂM	25	776	LUC	362,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
682	NGUYỄN VĂN NĂM	26	73	LUC	221,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
683	NGUYỄN VĂN NĂM	26	268	LUC	776,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
684	NGUYỄN VĂN NĂM	26	365	LUC	184,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
685	NGUYỄN VĂN THOI	25	914	LUC	220,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
686	NGUYỄN VĂN THOI	25	1026	LUC	384,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
687	NGUYỄN VĂN THOI	25	1193	HNK	233,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
688	NGUYỄN VĂN THOI	26	284	LUC	48,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
689	NGUYỄN VĂN THOI	26	409	LUC	259,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
690	NGUYỄN VĂN THOI	26	696	CLN	535,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
691	NGUYỄN VĂN THOI	106	127	CLN	471,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
692	NGUYỄN VĂN THOI	106	218	CLN	905,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
693	BÙI VĂN CHIỀU	25	497	LUC	133,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
694	BÙI VĂN CHIỀU	25	999	LUC	293,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
695	NGUYỄN VĂN NUÔI	26	642	LUC	202,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

696	NGUYỄN VĂN NUÔI	107	48	CLN	101,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
697	NGUYỄN VĂN NUÔI	107	51	CLN	216,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
698	NGUYỄN VĂN NUÔI	107	65	CLN	640,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
699	NGUYỄN THỊ XOAN	26	630	LUC	278,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
700	NGUYỄN THỊ XIÊM	26	651	LUC	404,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
701	NGUYỄN THỊ XIÊM	26	663	LUC	100,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
702	NGUYỄN THỊ XIÊM	26	665	LUC	89,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
703	BÙI VĂN LUYỀN	24	98	LUC	233,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
704	BÙI VĂN LUYỀN	25	202	HNK	121,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
705	BÙI VĂN LUYỀN	25	275	LUC	83,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
706	BÙI VĂN LUYỀN	26	61	LUC	161,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
707	BÙI VĂN LUYỀN	26	83	LUC	251,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
708	BÙI VĂN LUYỀN	27	256	CLN	706,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
709	BÙI VĂN LUYỀN	27	261	CLN	1225,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
710	NGUYỄN VĂN BÓNG	26	506	LUC	291,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
711	NGUYỄN VĂN BÓNG	26	705	CLN	483,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
712	NGUYỄN VĂN BÓNG	107	9	CLN	847,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
713	NGUYỄN VĂN BÓNG	107	31	CLN	1343,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
714	NGÔ KHẮC DỤC	25	560	CLN	247,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
715	NGÔ KHẮC DỤC	26	28	LUC	135,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
716	NGÔ KHẮC DỤC	26	53	LUC	111,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
717	NGÔ KHẮC DỤC	92	6	CLN	203,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
718	NGÔ KHẮC DỤC	92	34	CLN	1643,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
719	NGÔ KHẮC DỤC	92	39	CLN	408,1	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
720	NGÔ KHẮC DỤC	92	52	CLN	28,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
721	NGUYỄN VĂN THẠP	26	172	LUC	553,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
722	NGUYỄN VĂN THẠP	26	180	LUC	257,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
723	NGUYỄN VĂN THẠP	92	139	CLN	775,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
724	NGUYỄN VĂN TỐT	25	349	HNK	90,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
725	NGUYỄN VĂN TỐT	26	158	LUC	249,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
726	NGUYỄN VĂN TỐT	78	2	CLN	8609,23	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
727	BÙI VĂN TUẤN	24	46	LUC	604,27	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
728	BÙI VĂN TUẤN	25	290	LUC	98,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
729	BÙI VĂN TUẤN	25	305	CLN	211,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
730	BÙI VĂN TUẤN	25	461	LUC	259,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
731	BÙI VĂN TUẤN	26	114	LUC	154,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
732	BÙI VĂN TUẤN	78	85	CLN	55,45	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
733	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	25	569	LUC	516,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
734	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	26	415	LUC	286,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
735	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	26	547	LUC	178,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
736	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	91	152	CLN	96,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
737	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	91	170	CLN	854,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
738	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	92	57	CLN	362,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
739	BÙI VĂN SỸ	25	174	CLN	75,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
740	BÙI VĂN SỸ	25	186	HNK	222,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
741	BÙI VĂN SỸ	25	256	LUC	488,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
742	BÙI VĂN SỸ	77	214	CLN	737,68	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
743	BÙI VĂN SỸ	78	74	CLN	596,26	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

744	BÙI VĂN SỸ	91	3	CLN	862,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
745	BÙI VĂN SỸ	106	278	CLN	74,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
746	NGUYỄN VĂN NGỌT	26	127	LUC	31,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
747	NGUYỄN VĂN NGỌT	26	525	LUC	326,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
748	NGUYỄN VĂN NGỌT	91	177	CLN	70,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
749	NGUYỄN VĂN NGỌT	92	14	CLN	871,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
750	NGUYỄN VĂN NGỌT	92	33	CLN	12,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
751	NGUYỄN THỊ HOÀ	25	997	LUC	132,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
752	NGUYỄN THỊ HOÀ	26	230	LUC	35,2	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
753	NGUYỄN THỊ HOÀ	26	429	LUC	78,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
754	NGUYỄN THỊ HOÀ	26	596	LUC	168,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
755	NGUYỄN THỊ HOÀ	107	5	CLN	157,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
756	ĐỖ THANH HÒ	25	184	LUC	149,7	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
757	ĐỖ THANH HÒ	25	221	LUC	105,3	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
758	ĐỖ THANH HÒ	25	230	LUC	251,3	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
759	ĐỖ THANH HÒ	26	8	LUC	162,5	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
760	ĐỖ THANH HÒ	26	35	LUC	304,1	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
761	ĐỖ THANH HÒ	77	141	CLN	768,65	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
762	BÙI THỊ NGÁNH	25	42	LUC	164,7	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
763	BÙI THỊ NGÁNH	26	153	LUC	207,1	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
764	BÙI THỊ NGÁNH	26	265	LUC	91,2	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
765	BÙI THỊ NGÁNH	26	484	LUC	393,0	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
766	BÙI THỊ NGÁNH	92	21	CLN	685,4	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
767	BÙI THỊ NGÁNH	92	55	CLN	186,3	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
768	NGUYỄN VĂN HÙNG	25	523	CLN	398,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
769	NGUYỄN VĂN HÙNG	25	764	LUC	315,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
770	NGUYỄN VĂN HÙNG	26	17	LUC	105,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
771	BÙI THỊ VIÊN	25	755	CLN	312,3	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
772	BÙI THỊ VIÊN	25	772	CLN	537,0	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
773	BÙI THỊ VIÊN	26	279	LUC	51,4	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
774	BÙI THỊ VIÊN	26	513	LUC	216,7	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
775	BÙI THỊ VIÊN	78	82	CLN	2617,99	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
776	BÙI THỊ VIÊN	25	695	LUC	319,1	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
777	ĐỖ THỊ MAI	24	559	LUC	386,06	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
778	ĐỖ THỊ MAI	26	335	LUC	258,7	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
779	ĐỖ THỊ MAI	26	347	LUC	550,7	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
780	ĐỖ THỊ MAI	26	374	LUC	153,8	Thôn 8, xã Kỳ Sơn cũ	
781	BÙI VĂN TÌNH	25	468	LUC	304,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
782	BÙI VĂN TÌNH	25	584	CLN	164,0	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
783	BÙI VĂN TÌNH	25	1329	HNK	327,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
784	BÙI VĂN TÌNH	26	136	LUC	151,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
785	BÙI VĂN TÌNH	26	165	LUC	211,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
786	BÙI VĂN TÌNH	26	394	LUC	127,3	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
787	BÙI VĂN TÌNH	26	400	LUC	221,4	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
788	NGUYỄN VĂN LẬP	26	257	LUC	156,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
789	NGUYỄN VĂN LẬP	26	378	LUC	100,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
790	NGUYỄN VĂN LẬP	26	490	LUC	138,7	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
791	NGUYỄN VĂN LẬP	26	573	LUC	219,6	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

792	NGUYỄN VĂN LẬP	26	632	CLN	1227,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
793	NGUYỄN VĂN LẬP	26	671	CLN	285,5	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
794	NGUYỄN VĂN LẬP	107	32	CLN	100,9	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	
795	NGUYỄN VĂN LẬP	107	45	CLN	476,8	Thôn 7, xã Kỳ Sơn cũ	

3. Địa bàn xã An Sơn cũ

STT	Họ và tên	Thửa số	Tờ bản đồ	Loại đất	Diện tích	Địa chỉ	Ghi chú
1	Vũ Văn Anh	78	6	LUC	761	Thôn Trại Sơn	
2	Lê Đình Kỳ	50	2	LUC	167	Thôn Trại Sơn	
3	Mạc Đức Thiện	112	2	LUC	110	Thôn Trại Sơn	
4	Nguyễn Thị Nguyên	32	5	LUC	671	Thôn Trại Sơn	
5	Mạc Văn Bình	57	5	LUC	465	Thôn Trại Sơn	
6	Phạm Văn Phương	1245	22	LUC	336	Thôn An Nội	
7	Thân Văn Nghị	161	29	LUC	214	Thôn An Nội	
8	Thân Văn Nghị	190	22	LUC	608	Thôn An Nội	
9	Bùi Thị Trinh	342	30	LUC	446	Thôn An Nội	
10	Bùi Thị Trinh	357	29	LUC	87,6	Thôn An Nội	
11	Nguyễn Văn Tiến	110	29	LUC	169	Thôn An Nội	
12	Nguyễn Văn Tiến	1437	22	LUC	453	Thôn An Nội	
13	Nguyễn Văn Tiến	755	22	LUC	935	Thôn An Nội	
14	Hoàng Văn Tiệp	340	29	LUC	138	Thôn An Nội	
15	Hoàng Văn Tiệp	186	29	LUC	547	Thôn An Nội	
16	Hoàng Văn Tiệp	1340	22	LUC	371	Thôn An Nội	
17	Hoàng Văn Tiệp	121	30	LUC	385	Thôn An Nội	
18	Nguyễn Văn Dẫn	1487	22	LUC	450	Thôn An Nội	
19	Đặng Thị Hồng Vân	313	29	LUC	394	Thôn An Nội	
20	Đặng Thị Hồng Vân	1544	22	LUC	165	Thôn An Nội	
21	Trần Văn Quá	1338	22	LUC	447	Thôn An Nội	
22	Trần Văn Quá	1356	22	LUC	674	Thôn An Nội	
23	Trần Văn Quá	24	124	LUC	107	Thôn An Nội	
24	Nguyễn Thị Thoảng	945	22	LUC	855	Thôn An Nội	
25	Nguyễn Thị Thoảng	319	29	LUC	320	Thôn An Nội	
26	Nguyễn Thị Nghinh	712	23	LUC	220	Thôn An Nội	
27	Thân Thị Bằng	527	30	LUC	599	Thôn An Nội	
28	Hoàng Văn Thiệp	1344	22	LUC	120	Thôn An Nội	
29	Nguyễn Thị Thịnh	1117	22	LUC	485	Thôn An Nội	
30	Thân Thị Bằng	666	30	LUC	381	Thôn An Nội	
31	Thân Thị Bằng	117	125	CLN	390	Thôn An Nội	
32	Nguyễn Thị Thúy	133	29	LUC	479	Thôn An Nội	
33	Nguyễn Thanh Bình	174	29	LUC	234	Thôn An Nội	

34	Nguyễn Thanh Bình	314	29	LUC	339	Thôn An Nội	
35	Nguyễn Thanh Bình	335	29	LUC	84,3	Thôn An Nội	
36	Nguyễn Thanh Bình	204	29	LUC	356	Thôn An Nội	
37	Nguyễn Thị Nhĩ	1435	22	LUC	629	Thôn An Nội	
38	Nguyễn Thị Nhĩ	653	30	LUC	377	Thôn An Nội	
39	Nguyễn Thị Nhĩ	364	29	LUC	245	Thôn An Nội	
40	Nguyễn Hữu Lập	187	29	LUC	904	Thôn An Nội	
41	Nguyễn Hữu Lập	352	29	LUC	160	Thôn An Nội	
42	Thân Văn Sơn	294	22	LUC	434	Thôn An Nội	
43	Thân Văn Sơn	310	29	LUC	757	Thôn An Nội	
44	Đồng Văn Hưng	128	29	LUC	388	Thôn An Nội	
45	Đồng Văn Hưng	1460	22	LUC	1220	Thôn An Nội	
46	Đồng Văn Hưng	1486	22	LUC	1041	Thôn An Nội	
47	Trần Văn Huynh	1170	22	LUC	192	Thôn An Nội	
48	Nguyễn Hữu Thái	1301	22	LUC	421	Thôn An Nội	
49	Đào Văn Tuyên	1556	22	LUC	389	Thôn An Nội	
50	Đào Văn Tuyên	123	30	LUC	351	Thôn An Nội	
51	Nguyễn Thị Gái	784	30	LUC	96,4	Thôn An Nội	
52	Nguyễn Thị Gái	506	30	LUC	800	Thôn An Nội	
53	Nguyễn Thị Gái	795	30	LUC	124	Thôn An Nội	
54	Nguyễn Quang Sơn	1450	22	LUC	371	Thôn An Nội	
55	Nguyễn Quang Sơn	1333	22	LUC	392	Thôn An Nội	
56	Nguyễn Quang Sơn	320	29	LUC	105	Thôn An Nội	
57	Đồng Xuân Điệp	1385	22	LUC	987	Thôn An Nội	
58	Đồng Xuân Điệp	1525	22	LUC	1235	Thôn An Nội	
59	Đồng Xuân Điệp	1535	22	LUC	385	Thôn An Nội	
60	Đồng Xuân Điệp	468	22	LUC	394	Thôn An Nội	
61	Nguyễn Hữu Tiến	1056	22	LUC	352	Thôn An Nội	
62	Nguyễn Văn Mậu	187	30	LUC	627	Thôn An Nội	
63	Trần Mạnh Nguyên	53	29	LUC	582	Thôn An Nội	
64	Trần Mạnh Nguyên	362	29	LUC	158	Thôn An Nội	
65	Trần Mạnh Nguyên	45	29	LUC	816	Thôn An Nội	
66	Bùi Thị Trịnh	77	29	LUC	443	Thôn An Nội	
67	Bùi Thị Trịnh	80	30	LUC	434	Thôn An Nội	
68	Bùi Thị Động	9	124	LUC	225	Thôn An Nội	
69	Nguyễn Thanh Bình	1116	22	LUC	335	Thôn An Nội	
70	Bùi Thị Động	306	22	LUC	317	Thôn An Nội	
71	Bùi Thị Động	733	22	LUC	285	Thôn An Nội	
72	Bùi Thị Động	215	29	LUC	311	Thôn An Nội	
73	Bùi Thị Động	337	29	LUC	190	Thôn An Nội	
74	Nguyễn Thị Gái	948	30	LUC	122	Thôn An Nội	

75	Nguyễn Văn Hưng	429	22	LUC	523	Thôn An Nội	
76	Nguyễn Văn Hưng	315	29	LUC	313	Thôn An Nội	
77	Nguyễn Văn Hôm	158	124	LUC	324	Thôn An Nội	
78	Nguyễn Hữu Phiếu	231	29	LUC	813	Thôn An Nội	
79	Nguyễn Hữu Phiếu	381	29	BHK	120	Thôn An Nội	
80	Trần Văn Mai	60	124	LUC	98,2	Thôn An Nội	
81	Trần Văn Mai	260	29	LUC	240	Thôn An Nội	
82	Trương Văn Tuấn	1131	30	LUC	202	Thôn An Nội	
83	Trương Văn Tuấn	1134	30	LUC	624	Thôn An Nội	
84	Lê Văn Thương	775	22	LUC	2882	Thôn An Nội	
85	Lê Văn Thương	518	22	LUC	388	Thôn An Nội	
86	Lê Văn Thương	554	22	LUC	2235	Thôn An Nội	
87	Nguyễn Văn Trường	291	29	LUC	291	Thôn An Nội	
88	Nguyễn Văn Trường	99	30	LUC	480	Thôn An Nội	
89	Nguyễn Văn Trường	125	124	LUC	123	Thôn An Nội	
90	Trần Văn Triều	205	29	LUC	372	Thôn An Nội	
91	Trần Văn Triều	114	124	LUC	97,6	Thôn An Nội	
92	Hoàng Văn Khánh	481	22	LUC	679	Thôn An Nội	
93	Hoàng Văn Khánh	1327	22	LUC	774	Thôn An Nội	
94	Trần Văn Toàn	1	124	LUC	106	Thôn An Nội	
95	Trần Văn Toàn	301	29	LUC	748	Thôn An Nội	
96	Nguyễn Công Trường	188	29	LUC	371	Thôn An Nội	
97	Trần Văn Toàn	216	29	LUC	402	Thôn An Nội	
98	Trần Văn Huynh	106	124	LUC	127	Thôn An Nội	
99	Trần Văn Huynh	198	22	LUC	383	Thôn An Nội	
100	Trần Văn Sơn	17	124	LUC	155	Thôn An Nội	
101	Trần Nhân Tề	336	22	LUC	1061	Thôn An Nội	
102	Đoàn Thị Xới	917	22	LUC	754	Thôn An Nội	
103	Đào Trọng Thắng	1479	22	LUC	228	Thôn An Nội	
104	Trần Văn Huynh	1324	22	LUC	347	Thôn An Nội	
105	Trần Văn Toàn	1489	22	LUC	339	Thôn An Nội	
106	Trần Văn Sơn	290	29	LUC	220	Thôn An Nội	
107	Trần Văn Sơn	1199	22	LUC	814	Thôn An Nội	
108	Quản Xích Vệ	274	29	LUC	394	Thôn An Nội	
109	Lê Văn Thính	520	22	LUC	1170	Thôn An Nội	
110	Thân Văn Thương	907	22	LUC	349	Thôn An Nội	
111	Nguyễn Thị Tình	1081	22	LUC	337	Thôn An Nội	
112	Nguyễn Thị Tình	365	22	LUC	827	Thôn An Nội	
113	Nguyễn Thị Tình	246	29	LUC	313	Thôn An Nội	
114	Nguyễn Thị Tình	341	29	LUC	166	Thôn An Nội	
115	Nguyễn Thị Tình	1399	22	LUC	306	Thôn An Nội	

116	Lê Văn Tường	677	22	LUC	1453	Thôn An Nội	
117	Lê Văn Tường	708	22	LUC	1676	Thôn An Nội	
118	Nguyễn Hữu Hán	255	29	LUC	349	Thôn An Nội	
119	Đào Trọng Thắng	89	29	LUC	174	Thôn An Nội	
120	Đoàn Thị Xới	116	30	LUC	355	Thôn An Nội	
121	Đoàn Thị Xới	511	30	LUC	454	Thôn An Nội	
122	Phạm Văn Hậu	616	22	LUC	888	Thôn An Nội	
123	Phạm Văn Hậu	610	22	LUC	477	Thôn An Nội	
124	Phạm Văn Hậu	644	22	LUC	4854	Thôn An Nội	
125	Phạm Văn Hậu	766	22	LUC	1503	Thôn An Nội	
126	Phạm Văn Hậu	667	22	LUC	532	Thôn An Nội	
127	Bùi Thị Lưu	296	29	LUC	355	Thôn An Nội	
128	Hoàng Minh Nghĩa	1007	22	LUC	1013	Thôn An Nội	
129	Hoàng Minh Nghĩa	1130	30	LUC	369	Thôn An Nội	
130	Nguyễn Văn Ngân	1473	22	LUC	373	Thôn An Nội	
131	Thân Văn Quân	412	22	LUC	5283	Thôn An Nội	
132	Thân Văn Quân	1281	22	LUC	474	Thôn An Nội	
133	Thân Văn Quân	811	22	LUC	391	Thôn An Nội	
134	Thân Văn Quân	132	22	LUC	747	Thôn An Nội	
135	Nguyễn Thị Cương	933	22	LUC	357	Thôn An Nội	
136	Nguyễn Thị Cương	48	29	LUC	763	Thôn An Nội	
137	Nguyễn Thị Cương	52	29	LUC	332	Thôn An Nội	
138	Nguyễn Thị Cương	96	29	LUC	282	Thôn An Nội	
139	Nguyễn Thị Cương	321	29	LUC	202	Thôn An Nội	
140	Nguyễn Thị Cương	334	29	LUC	155	Thôn An Nội	
141	Thân Văn Tập	229	29	LUC	441	Thôn An Nội	
142	Thân Văn Tập	706	23	LUC	1180	Thôn An Nội	
143	Thân Văn Tập	270	22	LUC	430	Thôn An Nội	
144	Trần Thị Miến	239	29	LUC	449	Thôn An Nội	
145	Trần Thị Miến	303	29	LUC	874	Thôn An Nội	
146	Lê Văn Nức	203	30	LUC	173	Thôn An Nội	
147	Lê Văn Nức	394	29	LUC	133	Thôn An Nội	
148	Lê Văn Nức	832	30	LUC	127	Thôn An Nội	
149	Trần Văn Mai	1516	22	LUC	389	Thôn An Nội	
150	Trần Văn Mai	52	22	LUC	535	Thôn An Nội	
151	Nguyễn Văn Ngân	72	29	LUC	613	Thôn An Nội	
152	Nguyễn Văn Ngân	116	124	LUC	158	Thôn An Nội	
153	Nguyễn Văn Ngân	199	29	LUC	397	Thôn An Nội	
154	Ngô Thị Trót	1347	22	LUC	310	Thôn An Nội	
155	Ngô Thị Trót	449	30	LUC	478	Thôn An Nội	
156	Ngô Thị Trót	236	29	LUC	425	Thôn An Nội	
157	Trần Văn Hòa	64	29	LUC	482	Thôn An Nội	
158	Đồng Văn Ngọc	1314	22	LUC	468	Thôn An Nội	

159	Đông Văn Ngọc	235	22	LUC	284	Thôn An Nội	
160	Đông Văn Ngọc	413	22	LUC	607	Thôn An Nội	
161	Đông Văn Ngọc	1229	22	LUC	391	Thôn An Nội	
162	Đông Văn Ngọc	76	124	LUC	130	Thôn An Nội	
163	Nguyễn Văn Hai	242	29	LUC	362	Thôn An Nội	
164	Trần Nhân Phụng	1494	22	LUC	422	Thôn An Nội	
165	Trần Nhân Phụng	182	112	LUC	166	Thôn An Nội	
166	Trần Nhân Phụng	346	29	LUC	103	Thôn An Nội	
167	Trần Nhân Phụng	283	29	LUC	290	Thôn An Nội	
168	Trần Nhân Phụng	351	29	LUC	55	Thôn An Nội	
169	Lê Văn Nức	615	30	LUC	661	Thôn An Nội	
170	Thân Văn Tuyên	991	22	LUC	585	Thôn An Nội	
171	Trần Trung Thiệp	71	29	LUC	205	Thôn An Nội	
172	Trần Trung Thiệp	261	29	LUC	369	Thôn An Nội	
173	Trần Trung Thiệp	134	124	LUC	200	Thôn An Nội	
174	Trần Trung Thiệp	326	29	LUC	81,3	Thôn An Nội	
175	Thân Văn Ngự	1045	22	LUC	311	Thôn An Nội	
176	Thân Văn Ngự	202	29	LUC	153	Thôn An Nội	
177	Thân Văn Ngự	230	29	LUC	368	Thôn An Nội	
178	Thân Văn Ngự	299	29	LUC	1246	Thôn An Nội	
179	Thân Văn Quân	135	22	LUC	1009	Thôn An Nội	
180	Lê Văn Luyện	328	22	LUC	440	Thôn An Nội	
181	Lê Văn Luyện	318	29	LUC	817	Thôn An Nội	
182	Lê Văn Luyện	1448	124	LUC	162	Thôn An Nội	
183	Nguyễn Văn Yên	376	29	LUC	110	Thôn An Nội	
184	Nguyễn Văn Yên	99	29	LUC	532	Thôn An Nội	
185	Nguyễn Thị Ngoạn	1515	22	LUC	194	Thôn An Nội	
186	Nguyễn Thị Ngoạn	1414	22	LUC	243	Thôn An Nội	
187	Nguyễn Thị Ngoạn	250	29	LUC	1229	Thôn An Nội	
188	Nguyễn Thị Ngoạn	378	29	LUC	122	Thôn An Nội	
189	Nguyễn Thị Ngoạn	309	29	LUC	927	Thôn An Nội	
190	Phạm Văn Thiệu	358	29	LUC	202	Thôn An Nội	
191	Phạm Văn Thiệu	405	29	LUC	92,9	Thôn An Nội	
192	Phạm Văn Thiệu	257	30	LUC	1492	Thôn An Nội	
193	Phạm Văn Thiệu	271	30	LUC	686	Thôn An Nội	
194	Nguyễn Thị Mìn	85	124	LUC	106	Thôn An Nội	
195	Nguyễn Đăng Đào	494	22	LUC	1514	Thôn An Nội	
196	Thân Thị Chữ	311	22	LUC	408	Thôn An Nội	
197	Thân Thị Chữ	1361	22	LUC	409	Thôn An Nội	
198	Đông Văn Hùng	374	22	LUC	801	Thôn An Nội	
199	Đông Văn Hùng	1297	22	LUC	845	Thôn An Nội	
200	Vũ Thị Hương	442	30	LUC	450	Thôn An Nội	
201	Vũ Thị Hương	407	29	LUC	116	Thôn An Nội	

202	Thân Thị Sợi	107	124	LUC	307	Thôn An Nội	
203	Thân Thị Sợi	133	124	LUC	556	Thôn An Nội	
204	Nguyễn Xuân Duyên	1532	22	LUC	785	Thôn An Nội	
205	Nguyễn Xuân Duyên	404	29	LUC	130	Thôn An Nội	
206	Bùi Văn Nghìn	1227	22	LUC	1029	Thôn An Nội	
207	Bùi Văn Nghìn	177	30	LUC	457	Thôn An Nội	
208	Bùi Văn Nghìn	332	30	LUC	471	Thôn An Nội	
209	Đồng Văn Hùng	1335	22	LUC	731	Thôn An Nội	
210	Đồng Văn Hùng	120	124	LUC	269	Thôn An Nội	
211	Đồng Văn Hùng	189	29	LUC	357	Thôn An Nội	
212	Thân Văn Luyện	889	22	LUC	1211	Thôn An Nội	
213	Thân Văn Luyện	1302	22	LUC	700	Thôn An Nội	
214	Thân Văn Luyện	234	29	LUC	239	Thôn An Nội	
215	Thân Văn Luyện	62	124	LUC	160	Thôn An Nội	
216	Thân Văn Luyện	81	29	LUC	400	Thôn An Nội	
217	Thân Văn Luyện	155	29	LUC	368	Thôn An Nội	
218	Bùi Văn Hiệp	1384	22	LUC	400	Thôn An Nội	
219	Vũ Thị Hương	1359	22	LUC	332	Thôn An Nội	
220	Mai Văn Hội	784	21	BHK	706	Thôn An Ngoại	
221	Mai Văn Hội	826	21	BHK	6151	Thôn An Ngoại	
222	Trần Hữu Tuấn	886	21	LUC	64	Thôn An Ngoại	
223	Mai Văn Hội	83	28	BHK	822	Thôn An Ngoại	
224	Nguyễn Thị Hoa	342	28	LUC	352	Thôn An Ngoại	
225	Nguyễn Văn Bình	396	28	LUC	467	Thôn An Ngoại	
226	Vũ Văn Kiên	789	22	LUC	359	Thôn An Ngoại	
227	Vũ Văn Kiên	792	22	LUC	292	Thôn An Ngoại	
228	Vũ Văn Kiên	790	22	LUC	304	Thôn An Ngoại	
229	Nguyễn Văn Luân	771	21	LUC	845	Thôn An Ngoại	
230	Nguyễn Văn Thực	861	21	LUC	392	Thôn An Ngoại	
231	Mai Văn Phụng	846	21	LUC	383	Thôn An Ngoại	
232	Trần Văn Tùng	906	22	LUC	266	Thôn An Ngoại	
233	Nguyễn Công Thành	175	28	LUC	1708	Thôn An Ngoại	
234	Nguyễn Văn Thanh	926	21	LUC	80	Thôn An Ngoại	
235	Trương Thị Tĩnh	174	122	CLN	274	Thôn An Ngoại	
236	Vũ Thị Tự	771	22	LUC	356	Thôn An Ngoại	
237	Trương Văn Tiễn	61	99	HNK	269	Thôn An Ngoại	
238	Trương Hữu Bích	316	111	HNK	402	Thôn An Ngoại	
239	Phạm Văn Chuyển	124	110	HNK	515	Thôn An Ngoại	
240	Trương Văn Dũng	132	110	HNK	600	Thôn An Ngoại	
241	Phạm Xuân Tăng	361	28	LUC	402	Thôn An Ngoại	
242	Trương Văn Đắc	778	22	LUC	392	Thôn An Ngoại	
243	Phạm Văn Chuyển	827	21	LUC	605	Thôn An Ngoại	

244	Phạm Văn Hùng	1586	22	LUC	263	Thôn An Ngoại	
245	Nguyễn Thị Quy	1568	22	LUC	213	Thôn An Ngoại	
246	Trần Thị Nữ	1447	22	LUC	400	Thôn An Ngoại	
247	Mạc Thị Tân	171	5	LUC	723	Thôn An Ngoại	
248	Nguyễn Thị Thương	1598	22	LUC	1108	Thôn An Ngoại	
249	Nguyễn Thị Thắm	922	22	LUC	1440	Thôn An Ngoại	
250	Đỗ Văn Huỳnh	743	21	LUC	360	Thôn An Ngoại	
251	Nguyễn Thị Thắm	368	28	LUC	342	Thôn An Ngoại	
252	Đỗ Văn Huỳnh	975	21	LUC	169	Thôn An Ngoại	
253	Phạm Văn Viên	864	21	LUC	509	Thôn An Ngoại	
254	Bùi Thị Duyên	405	28	LUC	72,1	Thôn An Ngoại	
255	Nguyễn Thị Toàn	927	21	LUC	75	Thôn An Ngoại	
256	Nguyễn Thị Toàn	190	21	HNK	1199	Thôn An Ngoại	
257	Phạm Văn Nhở	595	21	HNK	1108	Thôn An Ngoại	
258	Phạm Văn Nhở	1088	21	LUC	1243	Thôn An Ngoại	
259	Vũ Văn Vang	1588	22	LUC	356	Thôn An Ngoại	
260	Nguyễn Văn Sợi	617	21	LUC	45,4	Thôn An Ngoại	
261	Nguyễn Văn Sợi	1053	22	LUC	175	Thôn An Ngoại	
262	Nguyễn Văn Sợi	1043	22	LUC	573	Thôn An Ngoại	
263	Nguyễn Văn Duy	1461	22	LUC	279	Thôn An Ngoại	
264	Phạm Văn Biên	1076	21	HNK	784	Thôn An Ngoại	
265	Phạm Văn Nhở	648	21	HNK	2187	Thôn An Ngoại	
266	Nguyễn Văn Oanh	824	22	LUC	213	Thôn An Ngoại	
267	Vũ Văn Kiên	844	22	LUC	325	Thôn An Ngoại	
268	Nguyễn Văn Căng	630	21	LUC	179	Thôn An Ngoại	
269	Nguyễn Văn Căng	1549	22	LUC	170	Thôn An Ngoại	
270	Nguyễn Văn Luân	1534	22	LUC	420	Thôn An Ngoại	
271	Bùi Văn Giang	1382	22	LUC	408	Thôn An Ngoại	
272	Phạm Văn Đức	692	21	LUC	691	Thôn An Ngoại	
273	Hoàng Văn Tựa	564	21	LUC	1253	Thôn An Ngoại	
274	Phạm Văn Chung	160	21	LUC	1026	Thôn Trại Sơn	
275	Phạm Văn Toàn	346	111	HNK	282	Thôn An Ngoại	
276	Nguyễn Việt Văn	1075	22	LUC	353	Thôn An Ngoại	
277	Phạm Văn Chiến	16	98	HNK	829	Thôn An Ngoại	
278	Nguyễn Văn Căng	135	28	LUC	734	Thôn An Ngoại	
279	Bùi Thị Trinh	766	23	LUC	240	Thôn An Ngoại	
280	Tô Thị Sỏi	90	124	LUC	215	Thôn An Ngoại	
281	Nguyễn Thị Phí	1025	21	LUC	134	Thôn An Ngoại	
282	Nguyễn Thị Phí	1045	21	LUC	192	Thôn An Ngoại	
283	Nguyễn Thị Tú	1051	21	LUC	84	Thôn An Ngoại	
284	Nguyễn Thị Vờ	958	21	HNK	84	Thôn An Ngoại	
285	Trần Văn Tùng	136	28	LUC	382	Thôn An Ngoại	
286	Dương Thị Hái	1453	22	LUC	409	Thôn An Ngoại	

287	Dương Thị Hải	398	28	LUC	837	Thôn An Ngoại	
288	Trương Thị Đóa	945	21	LUC	333	Thôn An Ngoại	
289	Đinh Thị Cuộn	96	21	LUC	108	Thôn An Ngoại	
290	Trương Thị Nghĩa	129	110	CLN	186	Thôn An Ngoại	
291	Đinh Thị Cuộn	130	110	CLN	141	Thôn An Ngoại	
292	Trương Văn Phát	285	111	CLN	344	Thôn An Ngoại	
293	Mai Văn Hậu	20	3	CLN	3672	Thôn Trại Sơn	
294	Mai Văn Phụng	21	3	CLN	613	Thôn Trại Sơn	
295	Nguyễn Thị Nguyên	39	5	LUC	2366	Thôn Trại Sơn	
296	Mạc Thị Tản	291	5	LUC	3823	Thôn Trại Sơn	
297	Mạc Văn Thanh	177	5	LUC	1537	Thôn Trại Sơn	
298	Nguyễn Thị Nguyên	74	5	LUC	1618	Thôn Trại Sơn	
299	Nguyễn Thị Nguyên	102	5	LUC	555	Thôn Trại Sơn	
300	Cao Thị Nguyên	156	5	LUC	1379	Thôn Trại Sơn	
301	Mạc Thị Tản	8	5	LUC	175	Thôn Trại Sơn	
302	Phạm Thị Mai Hiền	120	2	LUC	76,1	Thôn Trại Sơn	
303	Vũ Thị Mong	184	2	LUC	78,6	Thôn Trại Sơn	
304	Nguyễn Thị Nghĩa	62	2	BHK	145	Thôn Trại Sơn	
305	Bùi Văn Quyết	223	5	LUC	386	Thôn Trại Sơn	
306	Nguyễn Trọng Loan	204	12	LUC	154	Thôn Trại Sơn	
307	Mạc Văn Nhung	169	12	LUC	92,2	Thôn Trại Sơn	
308	Nguyễn Văn Khuyến	172	5	LUC	531	Thôn Trại Sơn	
309	Đoàn Văn Nghị	87	6	LUC	1969	Thôn Trại Sơn	
310	Phạm Văn Huân	104	5	LUC	1256	Thôn Trại Sơn	
311	Nguyễn Văn Nhạ	48	5	LUC	90,3	Thôn Trại Sơn	
312	Đỗ Ngọc Vinh	29	2	BHK	142	Thôn Trại Sơn	
313	Mạc Văn Thanh	47	5	LUC	85,8	Thôn Trại Sơn	
314	Mạc Văn Thanh	208	5	LUC	315	Thôn Trại Sơn	
315	Mạc Văn Thanh	26	2	BHK	128	Thôn Trại Sơn	
316	Mạc Văn Xanh	130	2	LUC	88,4	Thôn Trại Sơn	
317	Phạm Văn Cường	200	5	LUC	369	Thôn Trại Sơn	
318	Vũ Văn Anh	115	6	LUC	764	Thôn Trại Sơn	
319	Mạc Thị Thảo	65	5	LUC	1079	Thôn Trại Sơn	
320	Mạc Thị Thảo	150	5	LUC	489	Thôn Trại Sơn	
321	Mạc Thị Thảo	43	2	BHK	130	Thôn Trại Sơn	
322	Nguyễn Văn Thiện	27	21	LUC	157	Thôn Trại Sơn	
323	Nguyễn Văn Thiện	231	6	LUC	1416	Thôn Trại Sơn	
324	Nguyễn Văn Thiện	145	6	LUC	376	Thôn Trại Sơn	
325	Nguyễn Văn Thiện	279	6	LUC	1751	Thôn Trại Sơn	
326	Phạm Văn Tiếp	855	21	BHK	1794	Thôn An Ngoại	
327	Phạm Văn Viên	510	21	BHK	628	Thôn An Ngoại	

328	Phạm Văn Đạo	932	21	BHK	819	Thôn An Ngoại	
329	Đỗ Văn Tin	188	28	BHK	606	Thôn An Ngoại	
330	Trần Hữu Tuấn	923	21	BHK	1810	Thôn An Ngoại	
331	Phạm Văn Càng	72	28	LUC	1130	Thôn An Ngoại	
332	Nguyễn Văn Thanh	91	111	CLN	1103	Thôn An Ngoại	
333	Phạm Văn Trung	395	28	LUC	2336	Thôn An Ngoại	
334	Phạm Văn Vòng	703	21	BHK	4238	Thôn An Ngoại	
335	Nguyễn Viết Văn	296	111	CLN	295	Thôn An Ngoại	
336	Đỗ Thị Cảnh	514	21	LUC	1946	Thôn An Ngoại	
337	Hoàng Quốc Chung	130	28	BHK	650	Thôn An Ngoại	
338	Phạm Văn Nhở	490	21	BHK	620	Thôn An Ngoại	
339	Nguyễn Văn Bát	181	125	ONT	117	Thôn An Ngoại	
340	Đỗ Văn Doanh	121	30	ONT	509	Thôn An Ngoại	
341	Trương Văn Tiệp	61	111	ONT	211	Thôn An Ngoại	
342	Phạm Xuân Tăng	203	111	ONT	116	Thôn An Ngoại	
343	Đỗ Mạnh Tức	31	110	ONT	160	Thôn An Ngoại	
344	Đỗ Mạnh Tức	24	110	ONT	108	Thôn An Ngoại	

4. Địa bàn xã Lại Xuân cũ

STT	Chủ sử dụng	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
1	Ngô Đức Trường	5	10	LUC	2007.2	Đồng Phù Yên	
2	Ngô Quý Đôn	5	11	LUC	240	Đồng Phù Yên	
3	Ngô Quý Đôn	5	15	CLN	5671.3	Đồng Phù Yên	
4	Nguyễn Thị Hường	5	16	CLN	734.4	Đồng Phù Yên	
5	Chu Thị Quỳnh Như	5	17	CLN	2114.4	Đồng Phù Yên	
6	Ngô Đức Trường	5	19	CLN	2727.2	Đồng Phù Yên	
7	Nguyễn Thị Hường	5	28	CLN	348.8	Đồng Phù Yên	
8	Mạc Thị Thùy	5	29	CLN	1186.6	Đồng Phù Yên	
9	Mạc Thị Thùy	5	31	HNK	539.7	Đồng Phù Yên	
10	Trần Thị Nhan	5	57	LUC	192	Đồng Phù Yên	
11	Trần Thị Nhan	5	64	LUC	330.5	Đồng Phù Yên	
12	Ngô Văn Bình	5	72	CLN	11206.4	Đồng Phù Yên	
13	Ngô Đức Trường	5	73	HNK	128	Đồng Phù Yên	
14	Ngô Đức Trường	5	85	LUC	627.9	Đồng Phù Yên	
15	Vũ Văn Xước	5	101	LUC	443.6	Đồng Phù Yên	
16	Ngô Quý Đôn	5	114	LUC	192.1	Đồng Phù Yên	
17	Hoàng Văn Năng	5	133	LUC	327.3	Đồng Đống Mối	
18	Nguyễn Văn Thành	5	143	LUC	187.1	Đồng Phù Yên	
19	Nguyễn Văn Tuyền	5	144	LUC	677.9	Đồng Phù Yên	
20	Hoàng Văn Quang	5	152	LUC	373.3	Đồng Phù Yên	
21	Hoàng Văn Khởi	5	162	LUC	974.4	Đồng Phù Yên	
22	Lâm Văn Quyển	5	165	LUC	556.1	Đồng Phù Yên	
23	Vũ Thị Loan	5	171	LUC	797.2	Đồng Phù Yên	
24	Hoàng Văn Minh	5	172	LUC	329.5	Đồng Phù Yên	
25	Vũ Mạnh Quyết	5	176	LUC	400.7	Đồng Phù Yên	

26	Hoàng Văn Quang	5	178	LUC	347	Đồng Phù Yên	
27	Hoàng Văn Sinh	5	183	LUC	1353	Đồng Phù Yên	
28	Ngô Quý Đôn	5	191	LUC	600.8	Đồng Phù Yên	
29	Hoàng Văn Sinh	5	193	LUC	480.9	Đồng Phù Yên	
30	Hoàng Văn Sinh	5	200	LUC	1921.9	Đồng Phù Yên	
31	Nguyễn Văn Toan	5	201	LUC	379.3	Đồng Đồng Mới	
32	Vũ Thị Mai	5	210	HNK	5869.1	Đồng Đồng Mới	
33	Mạc Thị Thùy	5	216	LUC	255.5	Đồng Phù Yên	
34	Vũ Thị Mai	5	229	LUC	4420.6	Đồng Đồng Mới	
35	Vũ Thị Mai	5	233	LUC	83.3	Đồng Đồng Mới	
36	Nguyễn Thị Lương	5	246	LUC	593.3	Đồng Đồng Mới	
37	Đỗ Văn Quang	5	267	LUC	627.7	Đồng Phi Lao	
38	Chu Thị Nhân	5	272	LUC	868.7	Đồng Phi Lao	
39	Vũ Thị Mai	5	274	LUC	334.2	Đồng Đồng Mới	
40	Lê Văn Tâm	5	287	CLN	553.4	Đồng Miếu Si	
41	Vũ Thị Mai	5	292	CLN	5028.5	Đồng Miếu Si	
42	Vũ Thị Mai	5	293	LUC	237.9	Đồng Miếu Si	
43	Nguyễn Thị Lương	5	294	LUC	394.2	Đồng Bãi Cóc	
44	Mạc Văn Cơ	5	324	HNK	624.3	Đồng Bông	
45	Chu Thị Nhân	5	345	LUC	631.4	Đồng Phù Yên	
46	Trần Thị Nhan	6	86	CLN	440.4	Đồng Đồng Lò	
47	Ngô Thị Tót	6	97	CLN	1633.2	Đồng Đồng Lò	
48	Mạc Văn Hội	6	104	CLN	559.9	Đồng Đồng Lò	
49	Hoàng Văn Thắng	6	147	CLN	2244.3	Đồng Đồng Lò	
50	Vũ Mạnh Quyết	6	152	CLN	685	Thôn Lại Xuân 4	
51	Đoàn Mạnh Phái	6	158	CLN	1254.1	Đồng Đàm Ráng	
52	Vũ Thị Loan	6	182	CLN	1410.9	Đồng Đồng Lò	
53	Chu Văn Năm	6	211	LUC	360.4	Đồng Đầu Làng	
54	Hoàng Văn Linh	6	217	CLN	2476.8	Đồng Bông	
55	Đoàn Thị Thuật	6	224	CLN	1334.3	Đồng Đồng Lò	
56	Đoàn Thị Thuật	6	235	LUC	702.7	Đồng Đồng Than	
57	Vũ Văn Xước	6	247	LUC	232	Đồng Đồng Than	
58	Hoàng Văn Thắng	6	248	LUC	878.7	Đồng Hùm Cò	
59	Hoàng Văn Khởi	6	252	LUC	1142.9	Đồng Đồng Than	
60	Đoàn Thị Thuần	6	258	LUC	420.8	Đồng Đồng Than	
61	Bùi Văn Huy	6	285	HNK	727	Đồng Hùm Cò	
62	Lâm Văn Quyến	6	296	LUC	470.6	Đồng Hùm Cò	
63	Đỗ Văn Tĩnh	6	305	CLN	763.5	Đồng Đồng Than	
64	Đoàn Mạnh Đạt	6	311	CLN	323.8	Đồng Đàm Ráng	
65	Đỗ Văn Thêm	7	1	CLN	2188.1	Đồng Ngoài đê	
66	Đỗ Thị Thành	7	3	CLN	3094.4	Đồng Ngoài đê	
67	Đỗ Văn Thêm	7	15	CLN	2758.8	Đồng Ngoài đê	
68	Đỗ Văn Luyện	7	27	LUC	325.7	Đồng Địa Gủng	
69	Vũ Hồng Diệp	7	36	LUC	801.5	Đồng Địa Gủng	
70	Mạc Văn Cơ	7	49	LUC	767.2	Đồng Địa Gủng	
71	Đỗ Văn Luyện	7	53	LUC	722.6	Đồng Địa Gủng	
72	Hoàng Văn Quang	7	56	LUC	774.6	Đồng Địa Gủng	
73	Vũ Hồng Diệp	7	85	LUC	810.5	Đồng Địa Gủng	

74	Trần Minh Kiên	7	87	LUC	398.3	Đồng Địa	
75	Đoàn Thị Thuật	7	90	LUC	199.3	Đồng Thau	
76	Đỗ Thị Thành	7	92	LUC	279.9	Đồng Địa Gủng	
77	Ngô Văn Việt	7	103	LUC	767	Đồng Thau	
78	Hoàng Văn Huy	7	105	LUC	1177.2	Đồng Thau	
79	Đoàn Thị Thuật	7	113	LUC	164.3	Đồng Thau	
80	Vũ Hồng Diệp	7	123	LUC	312.3	Đồng Địa Gủng	
81	Hoàng Văn Đức	7	125	CLN	445.8	Đồng Địa	
82	Vũ Văn Xước	7	135	LUC	445.9	Đồng Thau	
83	Chu Thị Hiếu	7	143	LUC	774.1	Đồng Địa	
84	Nguyễn Văn Thành	7	154	LUC	1471.2	Đồng Thau	
85	Chu Thị Hiếu	7	157	LUC	244.9	Đồng Kênh	
86	Hoàng Văn Đức	7	164	LUC	966.2	Đồng Địa	
87	Hoàng Văn Đức	7	168	CLN	246.3	Đồng Kênh	
88	Đoàn Thị Thuật	7	171	LUC	185	Đồng Kênh	
89	Ngô Văn Thuôn	7	173	LUC	122.9	Đồng Thau	
90	Mạc Văn Dũng	7	180	LUC	513.7	Đồng Thau	
91	Lâm Văn Quyển	7	182	LUC	278.2	Đồng Thau	
92	Mạc Văn Cơ	7	183	LUC	1012.3	Đồng Thau	
93	Ngô Quý Đôn	7	186	LUC	408.3	Đồng Thau	
94	Ngô Quý Đôn	7	187	LUC	131.2	Đồng Kênh	
95	Mạc Văn Tuyên	7	190	LUC	511.2	Đồng Thau	
96	Chu Thị Hiếu	7	193	LUC	489.1	Đồng Địa	
97	Hoàng Văn Năng	7	195	LUC	784.8	Đồng Thau	
98	Chu Văn Ngân	7	197	LUC	216.9	Đồng Thau	
99	Nguyễn Văn Toan	7	209	LUC	217.8	Đồng Thau	
100	Hoàng Văn Chiên	7	211	LUC	640	Đồng Bờ Đãng	
101	Mạc Văn Dũng	7	238	LUC	32.1	Đồng Thau	
102	Ngô Văn Bình	7	245	LUC	114.5	Đồng Kênh	
103	Nguyễn Thị Hường	7	246	LUC	63.4	Đồng Kênh	
104	Mạc Văn Cơ	7	247	LUC	65.1	Đồng Kênh	
105	Ngô Thị Duyên	7	253	LUC	393.8	Đồng Bờ Đãng	
106	Mạc Văn Cơ	7	270	LUC	72.3	Đồng Thau	
107	Đỗ Văn Thêm	7	274	LUC	1078.9	Đồng Thau	
108	Hoàng Văn Thắng	7	281	LUC	71.3	Đồng Kênh	
109	Hoàng Văn Sinh	7	287	LUC	82.2	Đồng Kênh	
110	Đỗ Thị Thành	7	288	LUC	224.3	Đồng Thau	
111	Mạc Văn Tuyên	7	301	LUC	33.4	Đồng Thau	
112	Ngô Văn Thắng	7	303	CLN	1124.5	Đồng Thau	
113	Chu Thị Sâm	7	315	LUC	341.9	Đồng Bờ Đãng	
114	Hoàng Văn Sinh	7	328	LUC	208.6	Đồng Kênh	
115	Hoàng Văn Huy	7	330	CLN	2875.7	Đồng Thau	
116	Chu Thị Sâm	7	332	LUC	189.7	Đồng Bờ Đãng	
117	Bùi Thị Đàm	7	334	LUC	220.5	Đồng Bờ Đãng	
118	Đỗ Thị Thùy	7	335	LUC	302.4	Đồng Bờ Đãng	
119	Đỗ Văn Thêm	7	336	LUC	297.8	Đồng Thau	
120	Hoàng Văn Quang	7	352	LUC	186.6	Đồng Kênh	
121	Hoàng Văn Năng	7	361	LUC	201.9	Đồng Thau	

122	Hoàng Văn Huy	7	366	LUC	83.6	Đồng Thau	
123	Ngô Văn Đình	7	367	LUC	73.6	Đồng Kênh	
124	Mạc Văn Cơ	7	372	LUC	166.9	Đồng Thau	
125	Đỗ Văn Tuynh	7	374	LUC	198.8	Đồng Thau	
126	Hoàng Văn Thắng	7	377	LUC	202.1	Đồng Kênh	
127	Hoàng Văn Sinh	7	383	LUC	86.5	Đồng Kênh	
128	Phùng Thị Chinh	7	389	LUC	285.9	Đồng Kênh	
129	Nguyễn Văn Toan	7	392	CLN	384.3	Đồng Thau	
130	Đỗ Thị Thùy	7	396	LUC	486.5	Đồng Bờ Đãng	
131	Bùi Văn Tiếp	7	397	LUC	275.3	Đồng Kênh	
132	Đỗ Thị Thùy	7	398	HNK	1266.3	Đồng Ốc	
133	Ngô Văn Đoan	7	403	CLN	544.2	Đồng Thau	
134	Ngô Văn Thắng	7	437	CLN	805.5	Đồng Thau	
135	Đỗ Thị Tuyên	7	440	HNK	1624.5	Đồng Ốc	
136	Bùi Văn Hoàn	7	443	HNK	1001	Đồng Ốc	
137	Hoàng Văn Thành	7	448	CLN	1012.2	Đồng Kênh	
138	Ngô Văn Phương	7	456	CLN	4563.8	Đồng Kênh	
139	Đỗ Thị Tuyên	7	460	CLN	1900.3	Đồng Ốc	
140	Vũ Văn Xước	7	502	CLN	353.8	Đồng Sau Đình	
141	Chu Văn Hải	7	507	LUC	682	Đồng Địa Cây	
142	Trần Thị Nhan	7	515	CLN	426	Thôn Lại Xuân 6	
143	Hoàng Văn Sinh	7	518	CLN	1308.6	Đồng Gốc Đa	
144	Hoàng Văn Khởi	7	538	HNK	370.2	Thôn Lại Xuân 5	
145	Ngô Văn Lộ	8	289	HNK	66.4	Đồng Cửa Chùa Dưới	
146	Ngô Văn Lộ	8	304	HNK	193.5	Đồng Cửa Chùa Dưới	
147	Chu Văn Hải	8	349	LUC	2921.3	Đồng Địa Gốc Cây	
148	Lâm Văn Quang	8	351	CLN	1400.6	Đồng Sau Ông Thấp	
149	Ngô Văn Bình	8	391	CLN	511.9	Đồng Cửa Chùa Dưới	
150	Lâm Văn Quang	8	410	LUC	332.2	Đồng Sau Ông Thấp	
151	Ngô Văn Lộ	8	599	LUC	355	Đồng Sau Ông Chấp	
152	Ngô Văn Bình	8	628	LUC	88.2	Đồng Sau Ông Thấp	
153	Đỗ Văn Vượng	8	632	LUC	129.9	Đồng Sau Ông Chấp	
154	Ngô Đức Trường	8	633	LUC	113.2	Đồng Sau Ông Thấp	
155	Ngô Văn Đoan	8	687	LUC	106.3	Đồng Sau Ông Chấp	
156	Ngô Văn Lộ	8	700	LUC	740.6	Đồng Địa	
157	Ngô Văn Lộ	8	738	LUC	347.8	Đồng Giồng	
158	Ngô Văn Hải	8	763	LUC	2240.7	Đồng Địa	
159	Ngô Văn Lộ	8	784	LUC	416.1	Đồng Cửa Giếng	
160	Phùng Văn Khoản	8	801	LUC	194.1	Đồng Cửa Giếng	
161	Nguyễn Thế An	9	150	LUC	261.5	Đồng Tây Đình	
162	Nguyễn Thế An	9	162	LUC	72.1	Đồng Tây Đình	
163	Hoàng Thị Phương	9	223	LUC	111.6	Thôn Lại Xuân 3	
164	Hoàng Thị Phương	9	229	LUC	628.3	Thôn Lại Xuân 3	
165	Nguyễn Thế An	10	151	LUC	173.7	Đồng Tây Đình	
166	Đỗ Thị Chuyên	14	2	CLN	714.8	Đồng Đống Than	
167	Mạc Văn Hội	14	19	CLN	1248.2	Đồng Hùm Cò	
168	Vũ Thị Loan	14	51	LUC	870.6	Đồng Đống Than	
169	Ngô Văn Bình	14	56	CLN	1667.3	Đồng Áng Bồng	

170	Đoàn Thị Thuần	14	92	HNK	666.3	Đồng Đống Than	
171	Vũ Mạnh Quyết	14	116	CLN	2738.9	Đồng Áng Bòng	
172	Đoàn Thị Thuần	14	121	LUC	200.1	Đồng Đống Than	
173	Ngô Văn Hà	14	185	CLN	213	Đồng Hang Mỏ	
174	Ngô Văn Hà	14	198	CLN	1911.7	Đồng Hang Mỏ	
175	Hoàng Văn Khởi	15	54	LUC	239.5	Đồng Con Voi	
176	Nguyễn Thị Lương	15	79	LUC	201.2	Đồng Con Voi	
177	Nguyễn Thị Lương	15	122	LUC	181.6	Đồng Con Voi	
178	Ngô Thị Yến	15	199	LUC	857.7	Đồng Núi Mọc	
179	Cao Thị Bằng	15	253	LUC	522.9	Đồng Núi Mọc	
180	Đoàn Thị Thuần	15	268	LUC	378.8	Đồng Mẫu Miên	
181	Nguyễn Thị Bướm	15	331	CLN	533.2	Đồng Đống Lim	
182	Ngô Thị Tót	15	332	LUC	490.2	Đồng Cửa Ấu	
183	Ngô Đức Trường	15	352	LUC	377	Đồng Núi Mọc	
184	Cao Thị Bằng	15	357	LUC	436	Đồng Núi Mọc	
185	Nguyễn Thị Bướm	15	382	LUC	316.1	Đồng Đống Lim	
186	Nguyễn Thiện Đặng	15	384	HNK	650.9	Đồng Vườn Trại	
187	Chu Văn Triệu	15	399	CLN	329.6	Đồng Hang Mỏ	
188	Cao Thị Bằng	15	403	LUC	152.3	Đồng Núi Mọc	
189	Ngô Văn Hải	15	410	LUC	158.7	Đồng Vườn Trại	
190	Ngô Văn Hải	15	414	LUC	167.7	Đồng Vườn Trại	
191	Nguyễn Thị Bướm	15	415	LUC	111.5	Đồng Vườn Trại	
192	Chu Văn Thao	15	418	CLN	748.3	Đồng Hang Mỏ	
193	Ngô Văn Long	15	432	LUC	101	Đồng Vườn Trại	
194	Nguyễn Thị Bướm	15	455	LUC	356.5	Đồng Vườn Trại	
195	Cao Thị Bằng	15	458	LUC	502.5	Đồng Đống Lim	
196	Ngô Văn Long	15	459	LUC	348.8	Đồng Vườn Trại	
197	Ngô Văn Hải	15	465	LUC	196.8	Đồng Đống Lim	
198	Ngô Thị Yến	15	486	LUC	416.6	Đồng Vườn Trại	
199	Ngô Văn Hải	15	510	LUC	235.8	Đồng Đống Lim	
200	Nguyễn Tiên Lăng	15	513	LUC	133.4	Đồng Vườn Trại	
201	Nguyễn Thị Bướm	15	514	LUC	361.4	Đồng Đống Lim	
202	Ngô Văn Hải	15	516	LUC	599.8	Đồng Đống Lim	
203	Ngô Thị Yến	15	518	LUC	47.8	Đồng Vườn Trại	
204	Ngô Văn Hải	15	526	CLN	1310.8	Đồng Đống Lim	
205	Ngô Văn Hải	15	527	LUC	1032	Đồng Đống Lim	
206	Ngô Thị Tót	15	530	HNK	213.9	Đồng Núi Mọc	
207	Đỗ Thị Chuyên	15	536	LUC	308	Đồng Vườn Trại	
208	Ngô Thị Lạng	15	537	CLN	365.7	Đồng Đống Lim	
209	Đỗ Thị Chuyên	15	545	LUC	156	Đồng Vườn Trại	
210	Nguyễn Thị Thùy	15	550	LUC	245.4	Đồng Núi Mọc	
211	Ngô Thị Yến	15	589	CLN	1620.4	Đồng Vườn Trại	
212	Nguyễn Văn Năm	15	615	LUC	332.7	Đồng Ao Chua	
213	Nguyễn Văn Đăng	15	671	LUC	651.4	Đồng Địa Ngang	
214	Nguyễn Quang Huỳnh	15	692	LUC	414.6	Đồng Địa Đăng Ngang	
215	Nguyễn Mạnh Hùng	15	700	LUC	282.7	Đồng Địa Đăng Ngang	

216	Đỗ Văn Luyện	15	727	LUC	1391	Đồng Địa Đảng Ngang	
217	Đỗ Văn Phong	15	740	LUC	388.4	Đồng Địa Đảng Ngang	
218	Nguyễn Tiên Lãng	15	748	LUC	275.1	Đồng Địa Đảng Ngang	
219	Nguyễn Mạnh Hùng	15	762	LUC	610.6	Đồng Địa ông Liêu	
220	Nguyễn Văn Đang	15	787	LUC	451.3	Đồng Bờ Hôi	
221	Nguyễn Mạnh Hùng	15	790	LUC	541.4	Đồng Địa ông Liêu	
222	Đỗ Văn Toàn	15	825	LUC	574.5	Đồng Địa Doãn	
223	Nguyễn Thị Lan	15	831	LUC	579.8	Đồng Địa Doãn	
224	Cao Văn Sáu	15	845	LUC	663.6	Đồng Địa Doãn	
225	Hoàng Văn Khoa	15	848	LUC	420	Đồng Thần Lửa	
226	Bùi Văn Đáng	15	920	LUC	358.3	Đồng Địa ông Liêu	
227	Bùi Văn Đáng	15	934	LUC	81.3	Đồng Đàm Quan	
228	Bùi Văn Út	15	950	LUC	367.8	Đồng Thần Lửa	
229	Nguyễn Mạnh Hùng	15	998	LUC	57.2	Đồng Đàm Quan	
230	Nguyễn Văn Đức	15	1000	LUC	240	Đồng Hang Cá	
231	Nguyễn Văn Năm	15	1024	LUC	286.8	Đồng Địa Doãn	
232	Nguyễn Văn Chuôn	15	1151	LUC	431.7	Đồng Hang Cá	
233	Hoàng Văn Khoa	15	1203	LUC	239.8	Đồng Đầu Cầu	
234	Nguyễn Văn Đang	15	1328	LUC	959.2	Đồng Đầu Cầu	
235	Đoàn Văn Doan	15	1372	LUC	360	Đồng ngõ ông Đăng	
236	Nguyễn Thị Minh	15	1374	LUC	360	Đồng Vườn Trại	
237	Nguyễn Tiên Lãng	15	1375	LUC	433.8	Đồng Địa Doãn	
238	Ngô Văn Hải	15	1376	LUC	144	Đồng Vườn Trại	
239	Cao Thị Bằng	16	13	LUC	243.5	Đồng Giồng	
240	Phùng Văn Khoản	16	25	LUC	144.6	Đồng Bến Tắm	
241	Cao Thị Bằng	16	82	LUC	460	Đồng Giồng	
242	Ngô Văn Lộ	16	104	LUC	155.2	Đồng Bến Tắm	
243	Ngô Văn Lộ	16	121	LUC	665.7	Đồng Bến Tắm	
244	Đỗ Văn Lơ	16	134	HNK	315.2	Thôn Lại Xuân 8	
245	Nguyễn Thị Hòa	16	144	HNK	81.8	Thôn Lại Xuân 8	
246	Nguyễn Tiên Lãng	16	149	CLN	690.4	Thôn Lại Xuân 8	
247	Phan Văn Nghĩa	16	166	HNK	120	Đồng Bảng Trình	
248	Nguyễn Tiên Lãng	16	181	HNK	125.7	Đồng Bảng Trình	
249	Cao Thị Bằng	16	223	HNK	645.4	Đồng Bảng Trình	
250	Đỗ Văn Tĩnh	16	262	HNK	1261.7	Đồng Ao Chua	
251	Nguyễn Thị Lan	16	265	HNK	53.6	Đồng Bảng Trình	
252	Nguyễn Thị Nghè	16	307	HNK	123.2	Đồng Cây Sắn	
253	Nguyễn Thị Bướm	16	326	CLN	227.9	Thôn Lại Xuân 8	
254	Nguyễn Thị Nghè	16	335	HNK	27.1	Đồng Cây Sắn	
255	Ngô Văn Hải	16	373	CLN	365.5	Đồng Ao Chua	
256	Nguyễn Thị Lan	16	375	HNK	121.6	Đồng Bảng Trình	
257	Đỗ Văn Tĩnh	16	393	HNK	203	Đồng Cây Sắn	
258	Đỗ Văn Lơ	16	404	HNK	167.7	Đồng Bảng Trình	
259	Ngô Thị Tót	16	430	HNK	50.8	Đồng Cây Sắn	
260	Phan Văn Nghĩa	16	435	HNK	341.5	Đồng Cây Sắn	
261	Đỗ Văn Lơ	16	468	HNK	272.3	Đồng Cây Sắn	

262	Nguyễn Tiên Lãng	16	518	LUC	137.6	Đồng Cây Sán	
263	Ngô Thị Tót	16	546	LUC	132	Đồng Trường	
264	Nguyễn Tiên Lãng	16	620	LUC	78.6	Đồng Trường	
265	Nguyễn Thị Minh	16	657	LUC	118.9	Đồng Trường	
266	Đỗ Văn Lơ	16	666	LUC	88.3	Đồng Trường	
267	Đỗ Văn Lơ	16	762	LUC	373.6	Đồng Chó Đá	
268	Chu Văn Năm	16	786	LUC	371	Đồng Chó Đá	
269	Chu Văn Năm	16	796	LUC	479.8	Đồng Chó Đá	
270	Ngô Thị Yến	16	807	HNK	83.5	Đồng Bảng Trình	
271	Đỗ Văn Lơ	16	814	HNK	168.1	Đồng Bảng Trình	
272	Chu Văn Mạnh	18	54	CLN	720	Đồng Đàm Nải Trên	
273	Đỗ Hữu Nam	22	14	CLN	2436,8	Đồng Bãi Cao	
274	Nguyễn Văn Đang	23	60	LUC	344	Đồng Địa Giếng	
275	Hoàng Văn Khoa	23	163	LUC	384.5	Đồng Địa Giếng	
276	Nguyễn Văn Đang	23	296	LUC	90.2	Đồng Địa Giếng	
277	Nguyễn Văn Chuôn	23	372	LUC	48.1	Đồng Vải	
278	Bùi Văn Đàng	23	396	HNK	100	Đồng Vải	
279	Bùi Văn Út	23	437	HNK	444.7	Đồng Giếng	
280	Bùi Văn Đàng	23	531	LUC	498.7	Đồng Then	
281	Nguyễn Văn Biên	23	532	CLN	1096.3	Đồng Then	
282	Bùi Mạnh Chung	23	583	CLN	575	Đồng Bãi Cửa	
283	Nguyễn Văn Chuôn	23	587	LUC	444.5	Đồng Bãi Cửa	
284	Bùi Văn Thắng	23	751	LUC	288	Đồng Then	
285	Nguyễn Văn Tiệp	24	11	LUC	1048.7	Đồng Then	
286	Nguyễn Mạnh Hùng	24	627	CLN	212.2	Đồng Hang Dơi	
287	Nguyễn Mạnh Hùng	24	673	HNK	150.4	Đồng Hang Dơi	
288	Nguyễn Mạnh Hùng	24	694	CLN	405.6	Đồng Hang Dơi	
289	Nguyễn Mạnh Hùng	24	696	CLN	949.4	Đồng Hang Dơi	
290	Nguyễn Mạnh Hùng	24	706	CLN	570.9	Đồng Hang Dơi	
291	Ngô Văn Bình	56	303	CLN	337.8	Thôn Lại Xuân 5	
292	Đoàn Thị Thuần	56	313	CLN	458.4	Thôn Lại Xuân 5	
293	Chu Văn Hải	57	89	CLN	574.7	Thôn Lại Xuân 6	
294	Nguyễn Thế An	61	19	HNK	438.6	Thôn Lại Xuân 11	
295	Nguyễn Thế An	61	121	CLN	865.6	Thôn Lại Xuân 11	
296	Bùi Văn An	61	155	CLN	1809.9	Thôn Lại Xuân 9	
297	Nguyễn Thế An	61	218	CLN	676.8	Thôn Lại Xuân 11	
298	Vũ Văn Thùy	87	68	CLN	202.5	Thôn Lại Xuân 1	
299	Vũ Văn Cư	102	92	CLN	808.5	Thôn Lại Xuân 1	
300	Chu Văn Vân	22	1613	CLN	372,8	Đồng Bãi Cao	
301	Đỗ Hữu Nam	22	1614	CLN	2901,6	Đồng Bãi Cao	